

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



KHỞI ĐẦU NĂM MỚI LẠC QUAN

Ngày: 05/01/2026 – 09/01/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

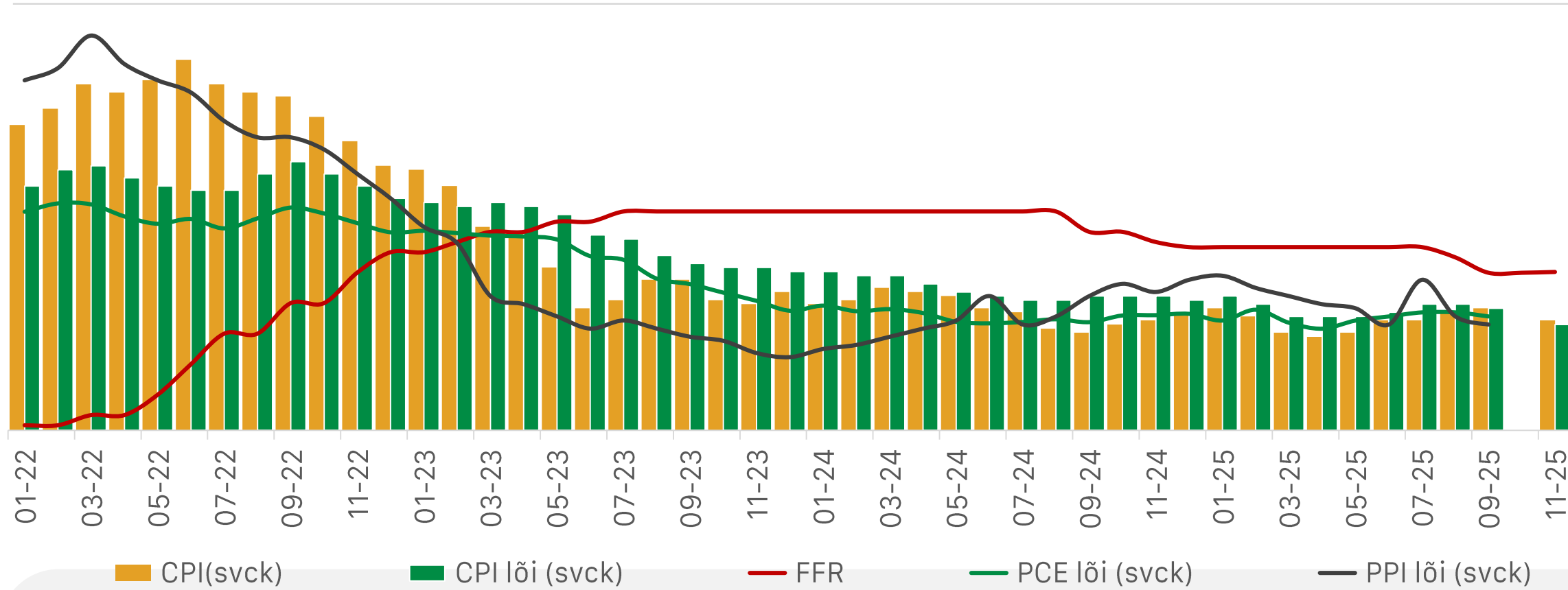


TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



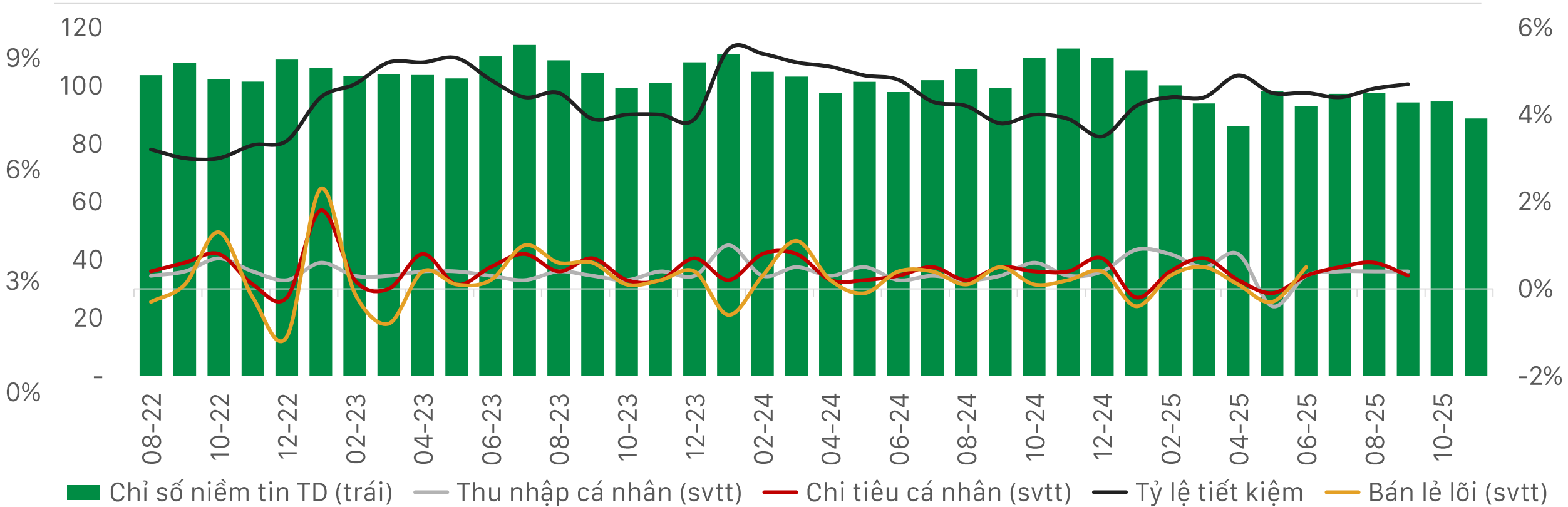
Kinh tế Mỹ đang ở trạng thái “hạ cánh mềm có độ trễ”: tăng trưởng chậm lại, thị trường lao động nguội dần và lạm phát giảm về quỹ đạo mục tiêu. Sự kết hợp này tạo điều kiện để Fed từng bước nới lỏng chính sách, nhưng không theo hướng mạnh tay, do vẫn tồn tại rủi ro lạm phát dịch vụ quay trở lại và bất định về tăng trưởng toàn cầu. Kịch bản cơ sở cho đầu năm 2026 là Fed có thể tiếp tục cắt lãi suất với nhịp độ chậm, ưu tiên ổn định thị trường lao động và tránh thất chặt tài chính ngoài ý muốn. Rủi ro chính cần theo dõi gồm:(i) lao động suy yếu nhanh hơn dự kiến, kéo giảm tiêu dùng và niềm tin;(ii) lạm phát dai dẳng ở nhóm dịch vụ, buộc Fed phải kéo dài trạng thái “giữ lãi suất cao hơn trong thời gian lâu hơn”. Các chỉ báo then chốt trong thời gian tới gồm NFP, đơn xin trợ cấp thất nghiệp, Core PCE/CPI và định giá lãi suất trên thị trường futures, nhằm xác nhận liệu kinh tế Mỹ đang đi đúng quỹ đạo hạ cánh mềm hay bắt đầu trượt sang pha tăng trưởng thấp kéo dài.

Tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng chưa rơi vào suy thoái

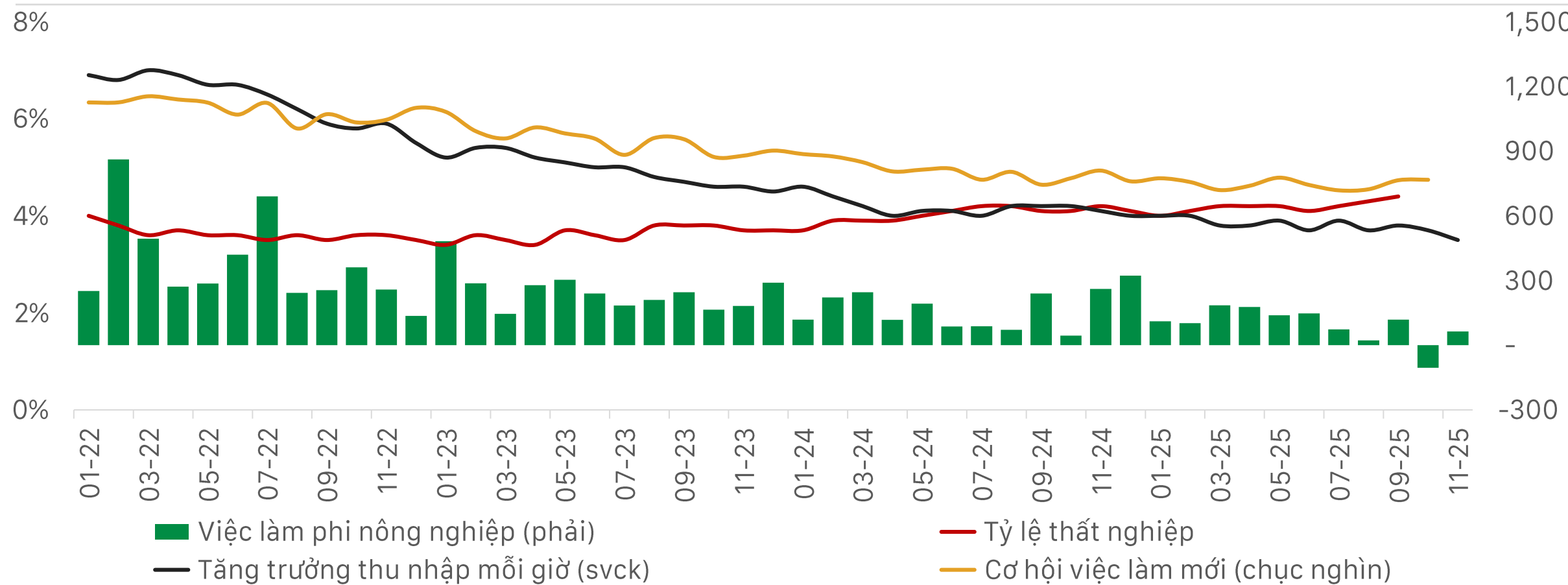


Tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng chưa rơi vào suy thoái. kinh tế Mỹ tiếp tục giảm tốc sau giai đoạn tăng trưởng cao trước đó. Tiêu dùng hộ gia đình vẫn duy trì nhưng không còn bứt phá, trong khi đầu tư doanh nghiệp thận trọng hơn do chi phí vốn cao và triển vọng cầu trung hạn kém chắc chắn. Tăng trưởng được đánh giá là dưới tiềm năng nhưng vẫn ổn định, tránh kịch bản suy thoái sâu. **Thị trường lao động nguội dần — rủi ro lệch về suy yếu hơn là quá nóng.** Dữ liệu lao động mới nhất phản ánh đà tạo việc làm chậm lại, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp duy trì ở mức cao hơn trung bình năm trước, trong khi tăng trưởng tiền lương hạ nhiệt. Điều này cho thấy thị trường lao động đang chuyển từ trạng thái “thắt chặt” sang cân bằng mong manh, làm giảm áp lực lạm phát nhưng đồng thời kéo theo rủi ro tiêu dùng suy yếu trong các quý tới. **Lạm phát tiếp tục hạ nhiệt, Fed củng cố lập trường nới lỏng dần.** Các chỉ số lạm phát lõi (đặc biệt là Core PCE) tiếp tục giảm đúng kỳ vọng, củng cố quan điểm rằng áp lực giá đã qua đỉnh. Fed duy trì thông điệp phụ thuộc dữ liệu, song các phát biểu gần đây cho thấy thiên hướng nới lỏng đang rõ ràng hơn, với khả năng cắt giảm lãi suất bổ sung trong năm 2026 nếu xu hướng hiện tại được duy trì.

Thị trường lao động Mỹ phát tín hiệu suy yếu nhưng chưa rơi vào khủng hoảng

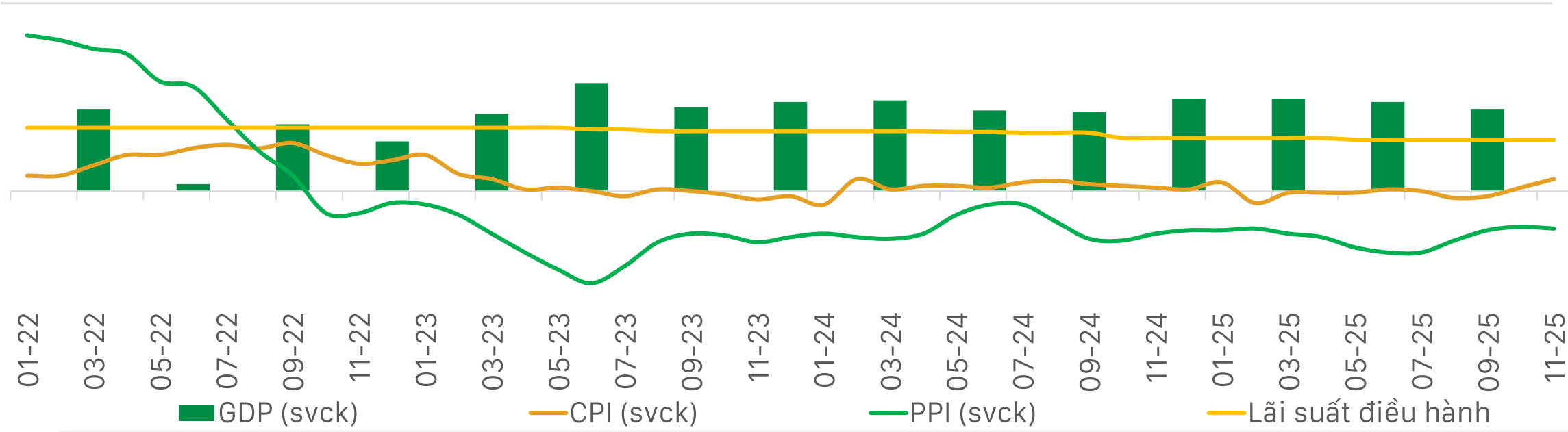


Lạm phát tiếp tục hạ nhiệt, Fed củng cố lập trường nới lỏng dần



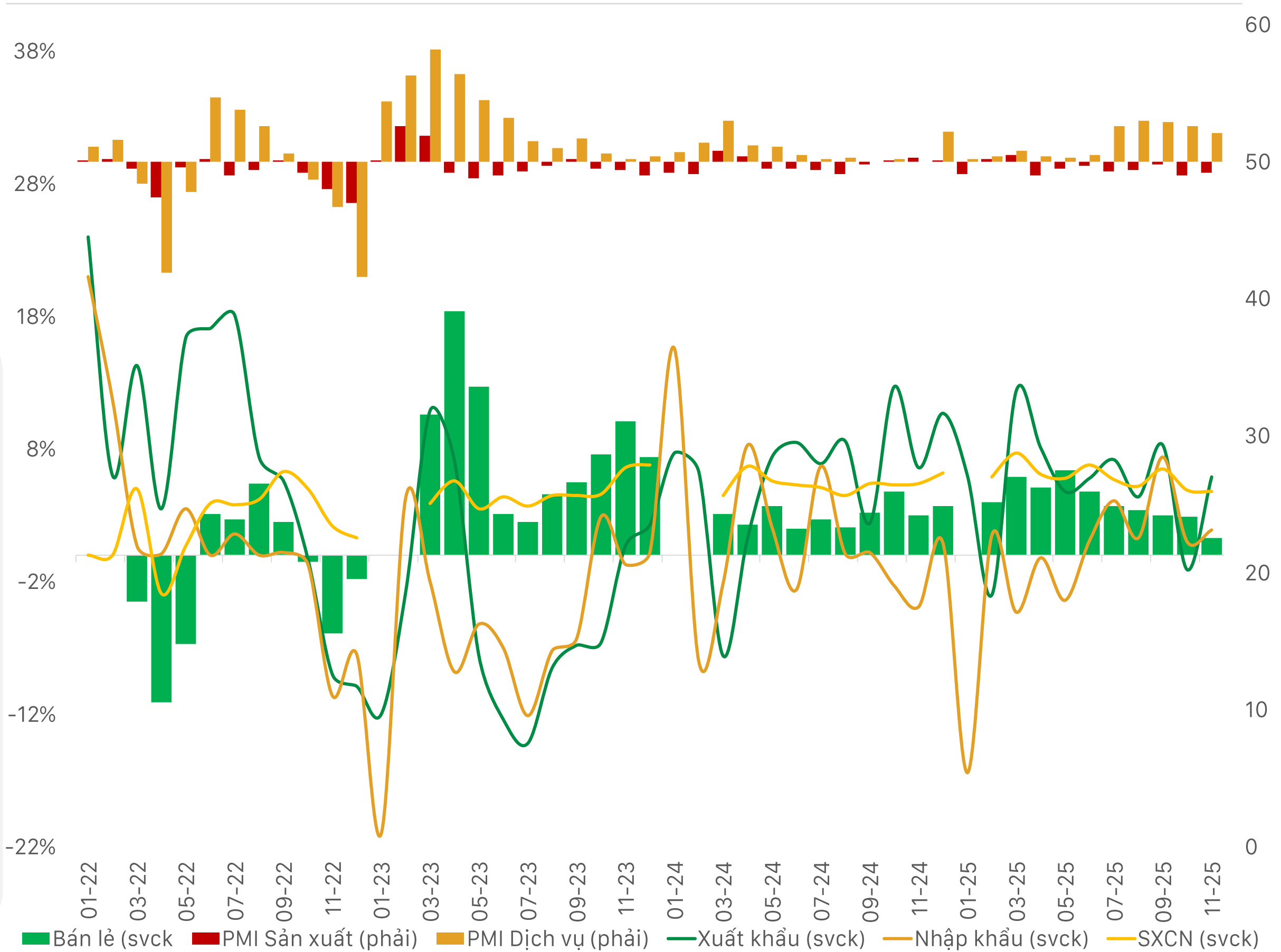
Nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục thể hiện ổn định tương đối nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các trụ cột tăng trưởng: xuất khẩu và công nghệ đóng vai trò chính, trong khi tiêu dùng nội địa và bất động sản vẫn là lực cản. Chính sách vĩ mô đang dịch chuyển sang trạng thái chủ động và linh hoạt hơn nhằm giữ đà tăng trưởng gần mục tiêu và khắc phục những điểm nghẽn nội tại. Trong ngắn hạn (Q1–Q2/2026), kịch bản cơ sở là tăng trưởng GDP duy trì quanh 4.3–4.5%, với sự hỗ trợ của các dự án đầu tư công trọng điểm, cải thiện thương mại quốc tế và chính sách mở cửa hiệu quả hơn đối với dòng vốn và chuỗi cung ứng toàn cầu. Rủi ro chính gồm:(i) tiếp tục suy yếu tiêu dùng trong nước do thu nhập và niềm tin hộ gia đình chưa phục hồi mạnh;(ii) điều chỉnh kéo dài trong bất động sản gây áp lực lên tài chính địa phương và thị trường lao động. Yếu tố theo dõi trọng tâm là diễn biến doanh số bán lẻ, đầu tư tư nhân, tiến độ dự án cơ sở hạ tầng, và chính sách hỗ trợ tăng trưởng mới trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng năm 2026 được thông qua. Những chỉ báo này sẽ quyết định liệu Trung Quốc có thể chuyển từ tăng trưởng dựa vào xuất khẩu sang nền tảng vững hơn từ nội lực tiêu dùng và đầu tư tư nhân hay không.

Tăng trưởng duy trì nhưng thiếu động lực nội sinh

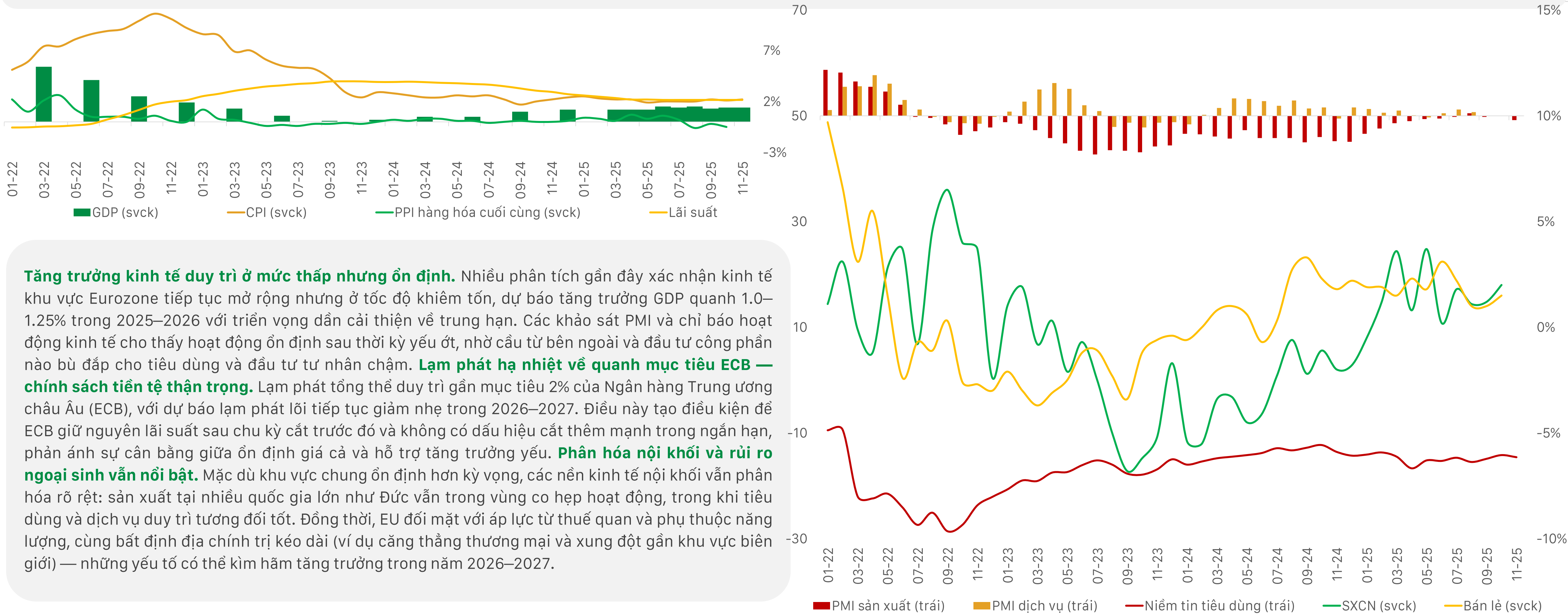


Tăng trưởng tiếp tục gần mục tiêu và chính sách chủ động hơn. Trung Quốc dự báo đạt mục tiêu tăng trưởng khoảng 5% trong năm 2025 và cam kết tiếp tục các chính sách vĩ mô “chủ động hơn” trong 2026 nhằm hỗ trợ đà tăng trưởng, bù đắp các yếu tố suy yếu trong nửa cuối năm trước. Các kế hoạch đầu tư lớn và các dự án trọng điểm được phê duyệt nhằm củng cố cơ sở hạ tầng và tạo động lực mới cho phát triển. **Xuất khẩu và công nghệ là trụ đỡ chính, tiêu dùng trong nước còn yếu.** Xuất khẩu tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng với thặng dư thương mại kỷ lục, bù đắp cho sự chậm lại của tiêu dùng nội địa và đầu tư. Bức tranh kinh tế có điểm sáng từ tiến bộ trong AI, điện tử và các ngành công nghệ cao được nhấn mạnh trong các phát biểu chính sách nhằm chuyển hướng cơ cấu. Tuy nhiên, tiêu dùng và doanh số bán lẻ vẫn còn yếu và chưa tạo lực kéo đủ mạnh cho tăng trưởng tự thân. **Bất động sản và đầu tư tư nhân chưa thoát khỏi khó khăn; tỷ giá và mở cửa quốc tế có cải thiện.** Khủng hoảng trong ngành bất động sản tiếp tục kéo dài, gây ảnh hưởng lên đầu tư và niềm tin tiêu dùng, dù một số khu vực nhỏ có dấu hiệu điều chỉnh kỹ thuật. Về tỷ giá, Trung Quốc cho thấy chính sách chấp nhận đồng Nhân dân tệ mạnh hơn một cách kiểm soát, phản ánh quan điểm ổn định ngoại hối trong bối cảnh thương mại quốc tế liên quan tới giảm thuế và xung đột thương mại giảm nhiệt. Đồng thời, Bắc Kinh tích cực thúc đẩy mở cửa hai chiều và hợp tác quốc tế để đối phó với bất định kinh tế toàn cầu.

Chính sách vĩ mô thiên về “ổn định có chọn lọc”.



Nền kinh tế Châu Âu tiếp tục trên quỹ đạo phục hồi chậm và dễ tổn thương, nhưng phần nào ổn định hơn dự báo trước đó nhờ lạm phát kéo về gần mục tiêu và các biện pháp hỗ trợ tài khóa ở một số nền kinh tế thành viên. Dữ liệu PMI mới nhất cho thấy hoạt động sản xuất suy yếu tiếp tục là điểm yếu cơ bản, trong khi khu vực dịch vụ và tiêu dùng nội địa giữ vai trò đỡ đà tăng trưởng chung. Trong đầu năm 2026, kịch bản cơ bản là: Tăng trưởng GDP tiếp tục ở mức thấp nhưng ổn định (khoảng 1.0–1.2%), với động lực chính đến từ tiêu dùng và đầu tư công thận trọng; Lạm phát trong tầm kiểm soát quanh mục tiêu ECB, giúp giảm áp lực chính sách tiền tệ nhưng không thúc đẩy cắt lãi thêm trong ngắn hạn; Rủi ro tiếp tục đến từ yếu tố bên ngoài và nội khối phân hóa, đặc biệt nếu căng thẳng thương mại hoặc chi phí năng lượng bùng phát trở lại, có thể kéo PMI sản xuất xuống sâu hơn. Theo đó, triển vọng Châu Âu giai đoạn tới là ổn định nhưng mong manh, đòi hỏi phối hợp linh hoạt giữa chính sách tiền tệ và tài khóa để duy trì niềm tin của doanh nghiệp và hộ gia đình, mở rộng đầu tư tư nhân và giảm lệ thuộc vào các biến số bên ngoài — những thách thức vẫn tồn tại xuyên suốt năm 2026 và xa hơn.

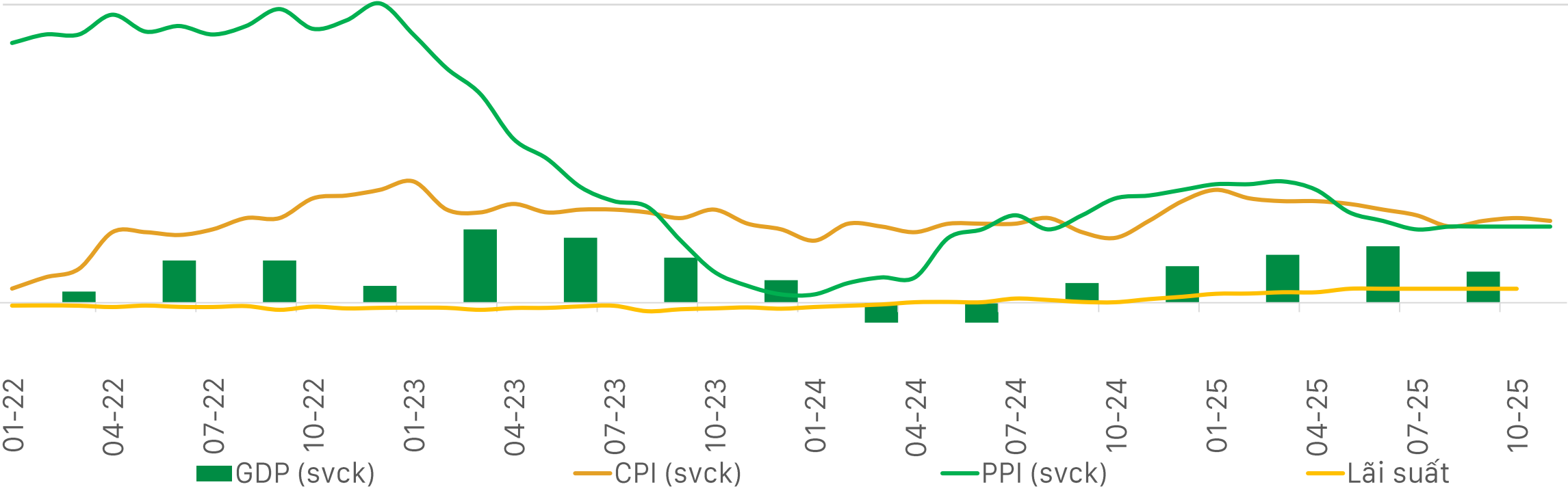


Nhật Bản đối mặt thử thách— tăng trưởng khiêm tốn, chính sách tài khóa chủ động và áp lực tiền tệ-ngoại hối



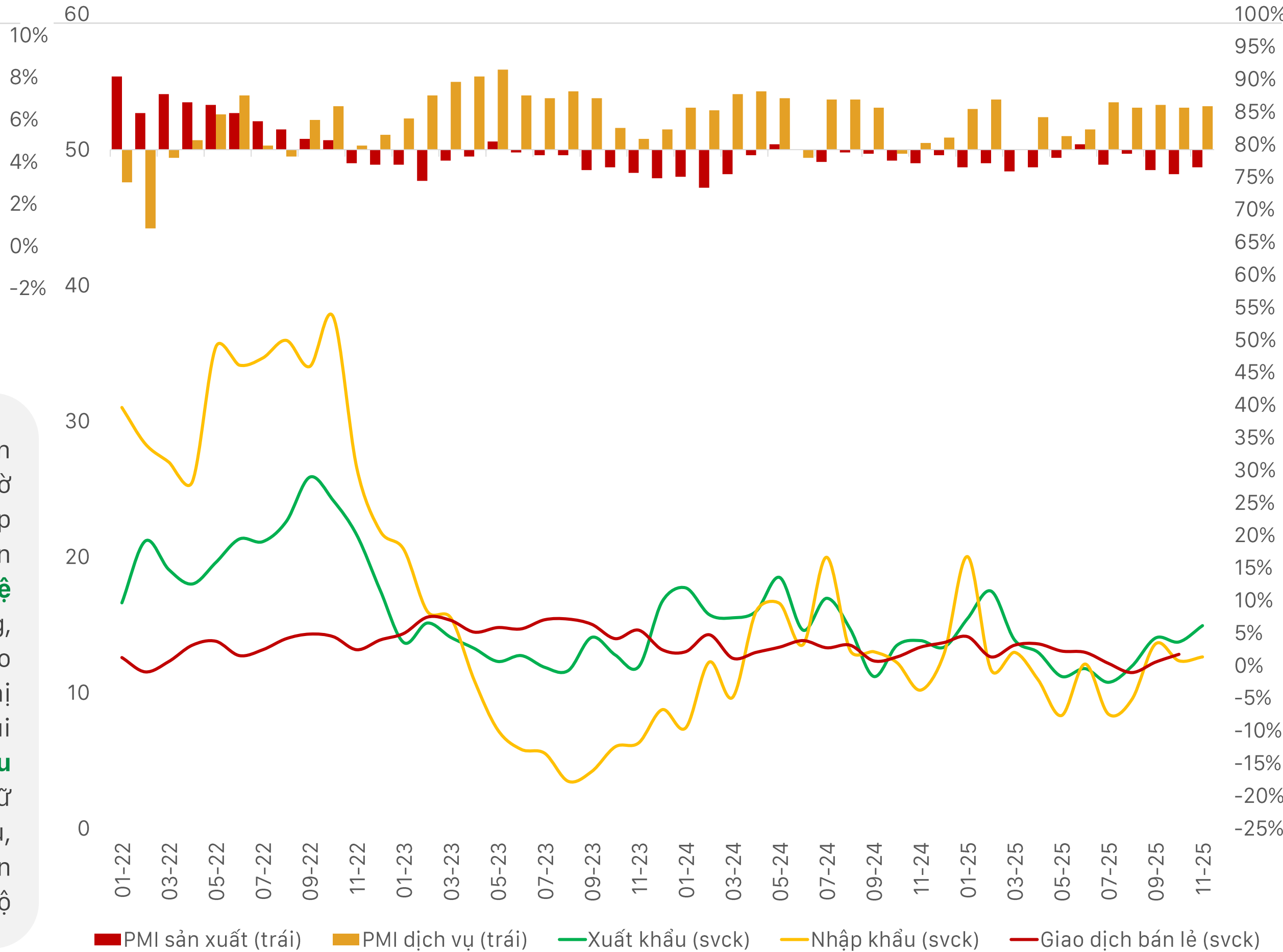
Nền kinh tế Nhật Bản tiếp tục cho thấy sự phục hồi chậm nhưng có độ ổn định, nhờ chính sách tài khóa chủ động và phục hồi tiêu dùng nội địa. Dự báo tăng trưởng khoảng 1.1–1.3% trong tài khóa 2026 phản ánh bức tranh tăng trưởng hòa hoãn hơn là bùng nổ. Chính sách tiền tệ của BoJ vẫn thận trọng, duy trì lãi suất và thúc đẩy lạm phát đi vào quỹ đạo mục tiêu, nhưng cũng đối mặt với áp lực tỷ giá khi Yên yếu kéo dài, ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu và sức mua thực tế của người dân. Rủi ro chính cần theo dõi trong 2026–2027 gồm:(i) tỷ giá Yên tiếp tục suy yếu, làm tăng áp lực chi phí đầu vào cho sản xuất và tiêu dùng;(ii) xuất khẩu và cầu bên ngoài tiếp tục yếu, kéo chậm tăng trưởng tổng thể;(iii) áp lực tài khóa từ mức nợ công cao (trên 200% GDP) có thể hạn chế không gian ứng phó với cú sốc ngoài dự kiến. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt — như Ấn Độ vượt Nhật về quy mô kinh tế nominal — Nhật Bản cần tập trung vào đổi mới công nghệ, lực lượng lao động và cải cách cấu trúc để mở rộng động lực tăng trưởng tự thân trong dài hạn

BoJ tiếp tục lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ.



Tăng trưởng kinh tế tiếp tục trên đường phục hồi nhưng ở mức vừa phải. Nền kinh tế Nhật Bản được dự báo tăng trưởng khoảng ~1.1–1.3% trong năm tài khóa 2026, tốt hơn mức dự báo trước đó nhờ tiêu dùng và đầu tư hỗ trợ tăng trưởng, dù nhu cầu bên ngoài còn yếu. Tiêu dùng cá nhân dự kiến tiếp tục tăng quanh 1.3%, nhờ ưu đãi thuế và lạm phát hạ nhiệt, còn đầu tư doanh nghiệp tăng nhanh hơn nhờ chính sách kích thích dài hạn. **Chính sách tài khóa chủ động song song với chính sách tiền tệ thận trọng.** Chính phủ dưới thời Thủ tướng Sanae Takaichi đã đẩy mạnh kích thích tài khóa chủ động, với ưu đãi thuế, trợ cấp đầu tư vào các ngành chiến lược; điều này hỗ trợ tăng trưởng và bù đắp cho nhu cầu bên ngoài yếu. Trong khi đó, BoJ giữ lãi suất ở mức cao so với lịch sử (khoảng 0.75%) và thị trường kỳ vọng có thể tăng thêm nếu lạm phát và tiền lương vẫn vững, nhưng vẫn rất thận trọng do rủi ro ảnh hưởng tới tăng trưởng và tỷ giá. **Áp lực tỷ giá và vị thế cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu thay đổi.** Đồng Yên Nhật tiếp tục chịu áp lực giảm trong bối cảnh chênh lệch lợi suất kéo dài và Fed/dữ liệu USD mạnh, khiến tỷ giá USD/JPY hướng mức 158–162 trong 2026 và làm tăng chi phí nhập khẩu, ảnh hưởng lên chi phí doanh nghiệp và hộ gia đình. Ngoài ra, việc Ấn Độ vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới làm nổi bật thách thức cạnh tranh toàn cầu, khi Nhật phải đối diện với tốc độ tăng trưởng chậm hơn nhiều nền kinh tế mới nổi.

Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng thiếu bứt phá



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,332.01	-4.4%	3.1%	0.3%	64.2%
WTI/USD	57.32	1.0%	-2.8%	-0.2%	-22.5%
Bitcoin	91,418	4.1%	2.3%	4.5%	-7.1%
Dow Jones	48,382	-0.7%	1.0%	0.7%	13.2%
S&P 500	6,858	-1.0%	0.1%	0.2%	15.4%
Nasdaq	25,206	-1.7%	-1.6%	-0.2%	18.2%
GP100	9,951	0.9%	2.7%	0.2%	21.0%
DAX	24,539	0.8%	3.6%	0.2%	23.3%
CAC 40	8,195	1.0%	1.3%	0.6%	12.5%
Euro Stoxx 50	5,850	1.7%	2.7%	1.0%	20.1%
Nikkei 225	50,339	-0.2%	2.1%	26.2%	28.1%
Shanghai	3,969	0.7%	1.4%	18.4%	21.7%
Hang Seng	26,338	2.7%	2.2%	2.8%	33.3%
Vnindex	1,784	0.1%	4.9%	40.9%	40.5%
VND/USD	836	-0.8%	-0.2%	-7.8%	-6.3%
DXY	26,300	0.0%	-0.3%	0.0%	3.5%

- Trong tuần lễ cuối năm, thị trường chứng khoán Mỹ chứng kiến sự biến động nhẹ với xu hướng giảm tổng thể, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong giai đoạn cuối năm và kỳ nghỉ lễ.. Sự sụt giảm này có thể do ảnh hưởng từ kỳ vọng lãi suất Fed ổn định và thiếu động lực từ dữ liệu kinh tế tích cực, dẫn đến áp lực bán ra ở các cổ phiếu công nghệ và tiêu dùng, khiến chỉ số mất khoảng 0.7% giá trị trong tuần.
- Giá Bitcoin thể hiện sức sống mạnh mẽ với đà tăng trưởng rõ rệt, bất chấp sự biến động hàng ngày. Bắt đầu từ mức 87,138 USD vào ngày 29/12, giá tăng lên chốt tuần ở 90,603 USD ngày 03/01. Tổng thể, Bitcoin tăng khoảng 4%, được hỗ trợ bởi dòng vốn từ các nhà đầu tư tổ chức và tâm lý lạc quan về quy định mới, dù khối lượng giao dịch dao động từ 18-48 tỷ USD, cho thấy sự tham gia không đồng đều do kỳ nghỉ. Điều này củng cố vị thế của Bitcoin như một tài sản trú ẩn trong bối cảnh kinh tế bất ổn. Giá vàng, ngược lại, trải qua giai đoạn điều chỉnh giảm nhẹ, phản ánh sức mạnh của đồng USD và lợi suất trái phiếu ổn định. Tuần qua cho thấy sự phân hóa giữa các lớp tài sản, với chứng khoán và vàng chịu áp lực trong khi crypto nổi bật.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



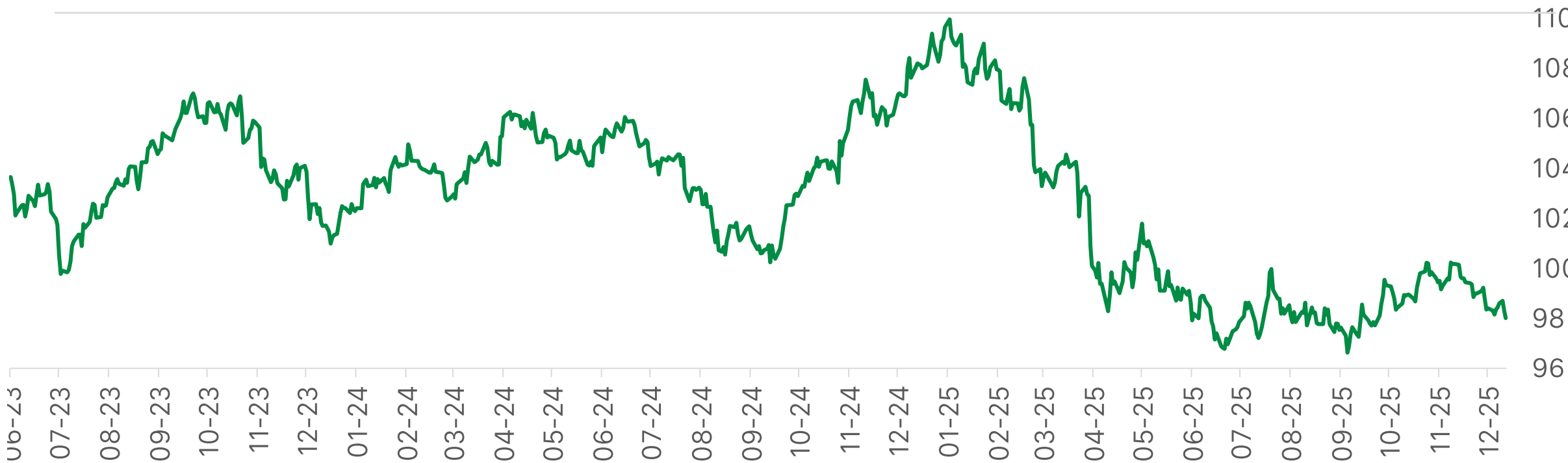
THANH KHOẢN VND DỒI DÀO — DXY SUY GIẢM, USD/VND HẠ NHIỆT; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỌC



Bức tranh tiền tệ – tỷ giá Việt Nam cho thấy sự đánh đổi rõ rệt giữa ổn định tỷ giá và hỗ trợ thanh khoản. Dù điều kiện thanh khoản trong nước rất thuận lợi, USD/VND vẫn neo cao do tác động tổng hợp từ DXY biến động, cầu ngoại tệ thương mại và tâm lý phòng thủ của doanh nghiệp. NHNN lựa chọn chiến lược ổn định linh hoạt, tránh các cú sốc tỷ giá nhưng cũng không cố gắng kéo tỷ giá giảm nhanh. Trong ngắn hạn (Q1/2026), kịch bản cơ sở là: USD/VND dao động trong vùng cao, khó giảm mạnh nếu Fed chưa phát tín hiệu nổi lỏng rõ ràng hơn; NHNN tiếp tục bơm thanh khoản nhưng kiểm soát chặt kênh FX, ưu tiên ổn định kỳ vọng thị trường; Áp lực tỷ giá chỉ hạ nhiệt rõ ràng khi DXY bước vào xu hướng giảm bền và cán cân ngoại tệ cải thiện. Trọng tâm theo dõi thời gian tới: (i) diễn biến DXY và dữ liệu việc làm/làm phát Mỹ; (ii) quy mô và kỳ hạn bơm ròng OMO của NHNN; (iii) chênh lệch tỷ giá ngân hàng – tự do và trạng thái thanh khoản liên ngân hàng. Các yếu tố này sẽ quyết định cường độ can thiệp FX cũng như dự địa nổi lỏng tiền tệ trong giai đoạn đầu năm 2026.

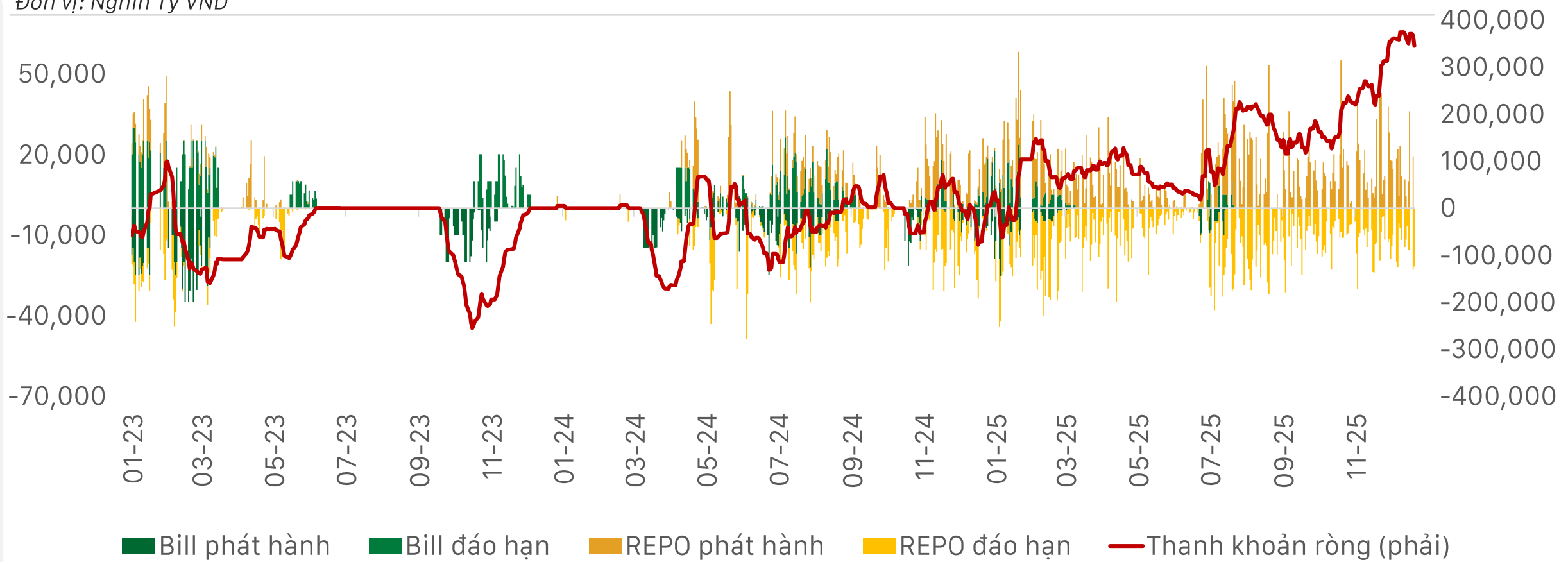
DXY biến động mạnh — kỳ vọng cắt lãi Fed điều chỉnh, USD chưa giảm bền vững. DXY dao động mạnh theo dữ liệu lao động và lạm phát Mỹ, khi thị trường liên tục điều chỉnh kỳ vọng về tốc độ nổi lỏng của Fed. Dù xu hướng trung hạn vẫn nghiêng về hạ nhiệt, USD chưa giảm một chiều và có các nhịp hồi kỹ thuật, khiến áp lực lên tiền tệ các thị trường mới nổi, bao gồm VND, vẫn còn hiện hữu. Diễn biến này làm dư địa giảm tỷ giá USD/VND bị hạn chế, đặc biệt trong ngắn hạn. **USD/VND neo cao — cầu ngoại tệ thương mại và thanh toán vẫn lớn.** Tỷ giá USD/VND tại các NHTM tiếp tục duy trì quanh vùng cao, phản ánh: (i) cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu và thanh toán cuối năm, (ii) nhu cầu hedging của doanh nghiệp trong bối cảnh biến động toàn cầu, (iii) chênh lệch lãi suất USD–VND vẫn ở mức bất lợi cho VND. Đáng chú ý, chênh lệch tỷ giá giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do có xu hướng giãn, cho thấy áp lực tâm lý và kỳ vọng tỷ giá chưa hoàn toàn hạ nhiệt. **NHNN duy trì “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn, can thiệp FX linh hoạt.** Thanh khoản hệ thống ngân hàng tiếp tục ở trạng thái dồi dào, với NHNN duy trì bơm ròng qua OMO để giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng thấp, hỗ trợ tín dụng cuối năm. Song song, can thiệp ngoại hối được thực hiện có chọn lọc, ưu tiên ổn định kỳ vọng thay vì bảo vệ một mức tỷ giá cụ thể. Cách tiếp cận này giúp giảm áp lực ngắn hạn lên VND nhưng đồng thời đặt trần cho mức nổi lỏng tiền tệ trong nước.

DXY biến động mạnh — kỳ vọng cắt lãi Fed điều chỉnh, USD chưa giảm bền vững

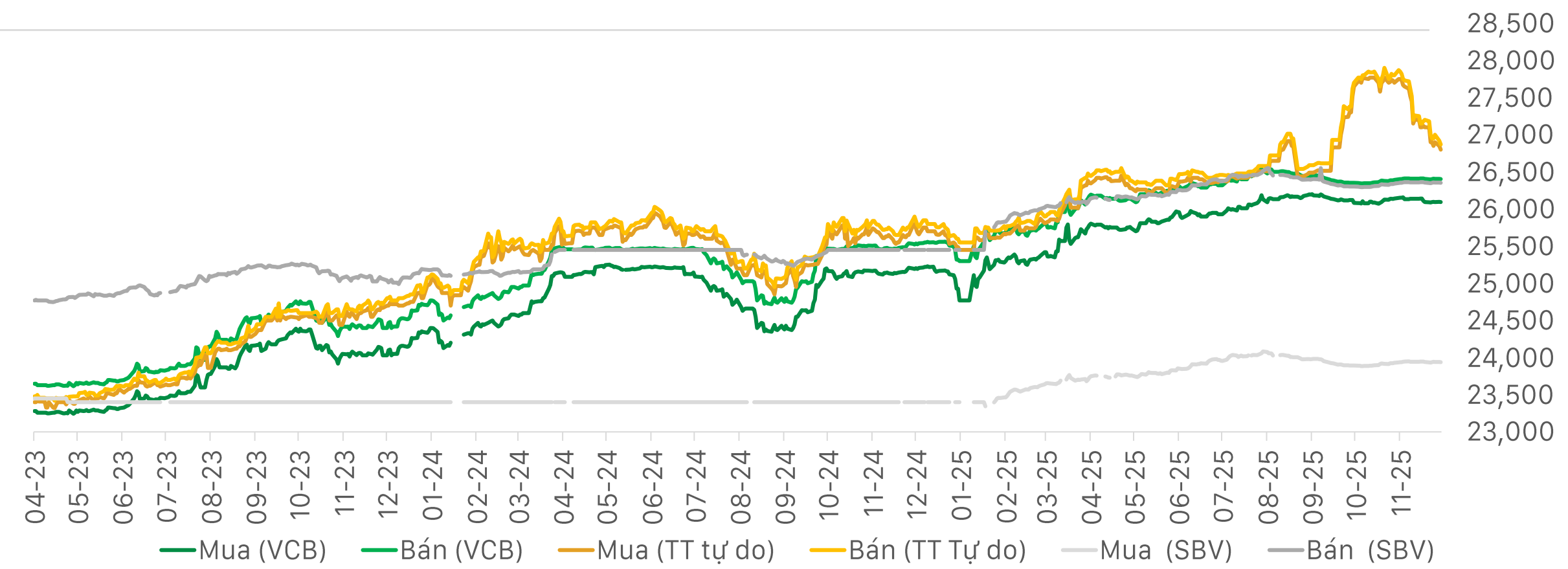


NHNN vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



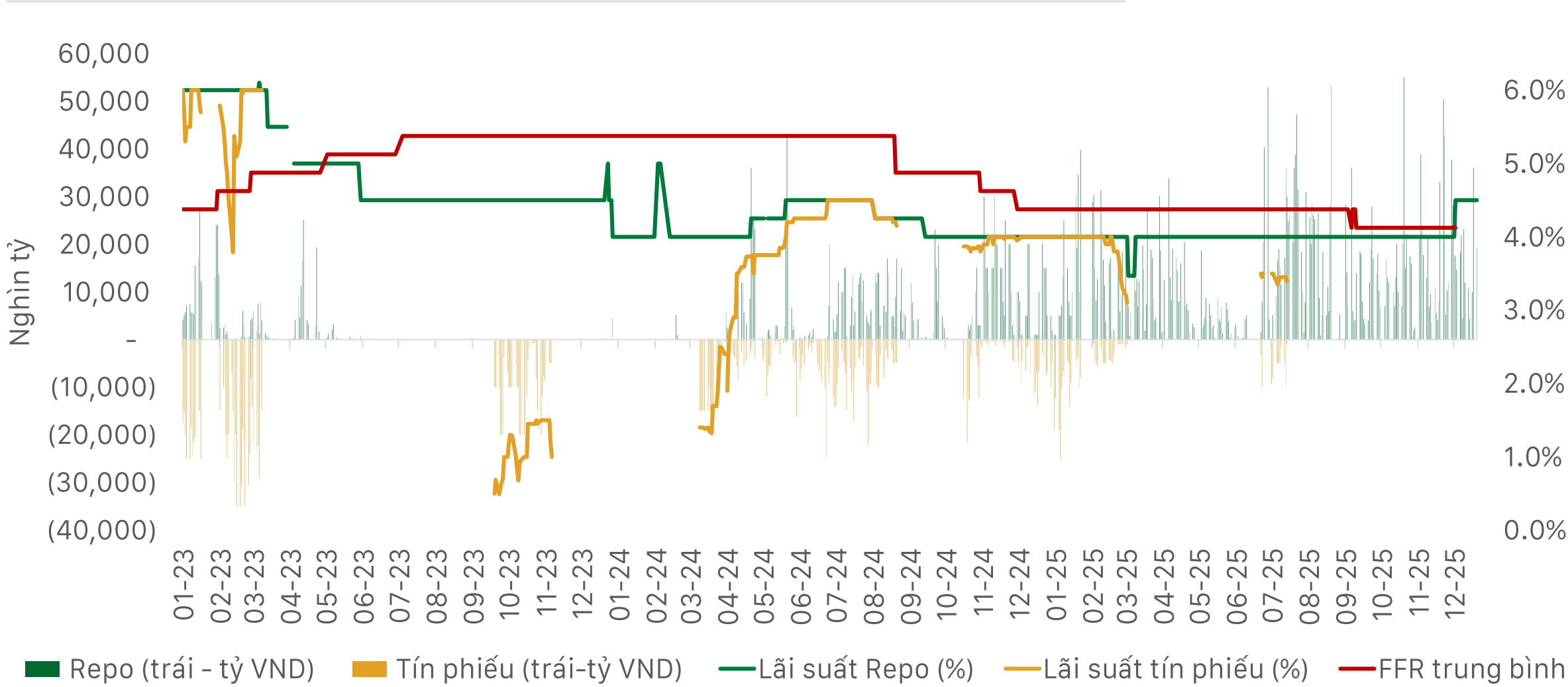
USD/VND neo cao — chênh lệch tỷ giá chợ đen và hệ thống ngân hàng càng xa. Đơn vị: VND/USD



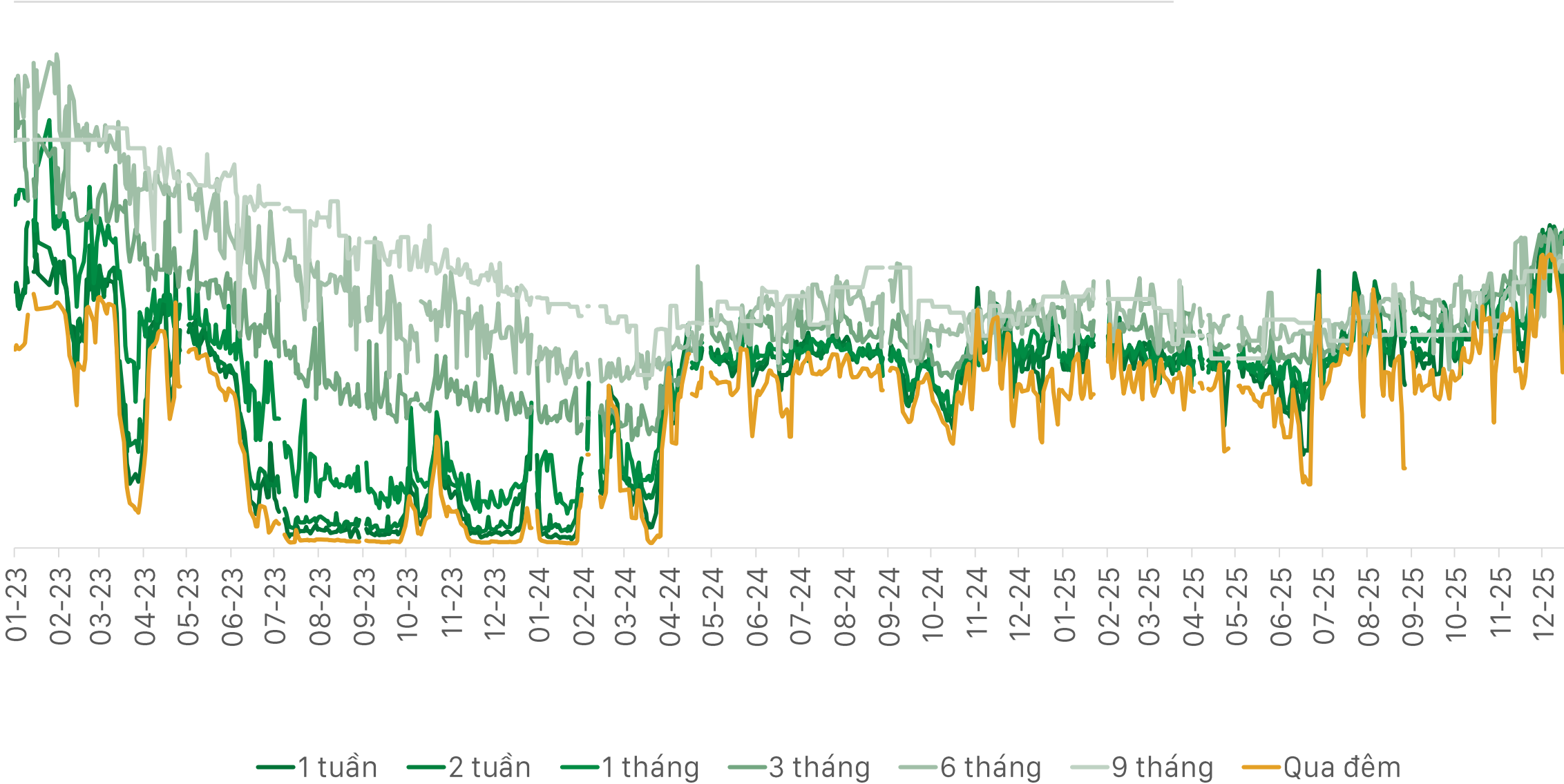
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



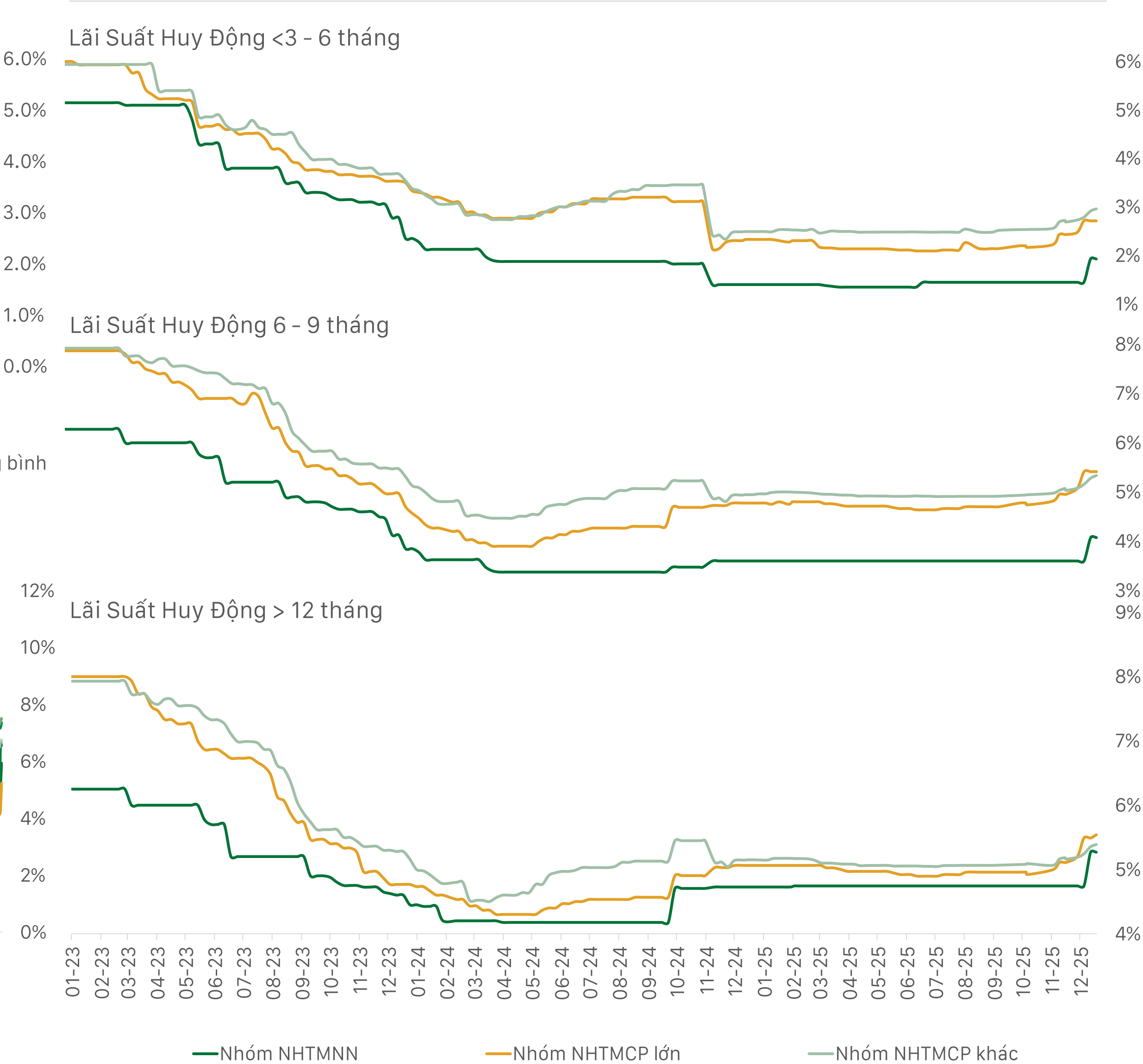
NHNN bơm mạnh Repo trở lại



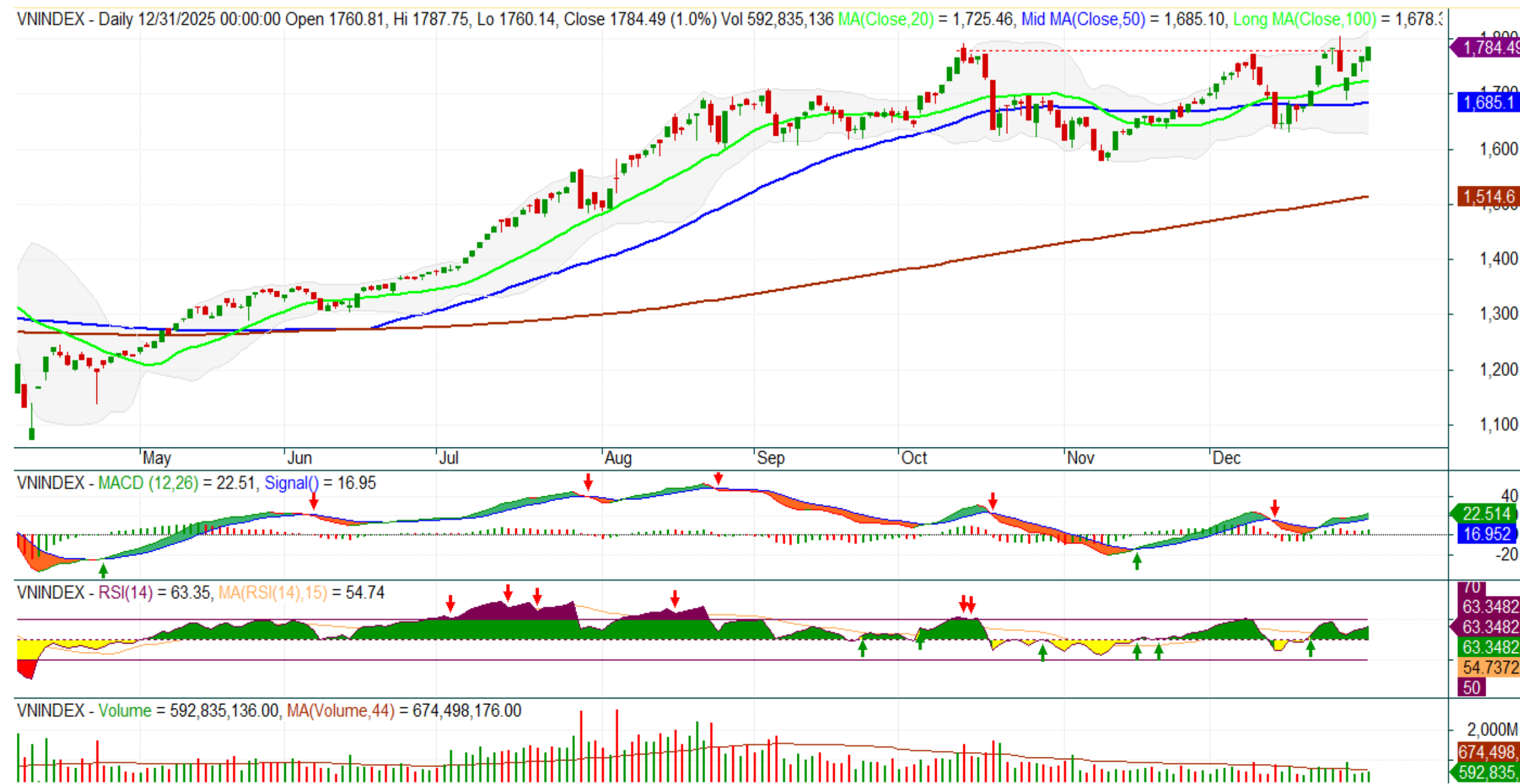
Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt



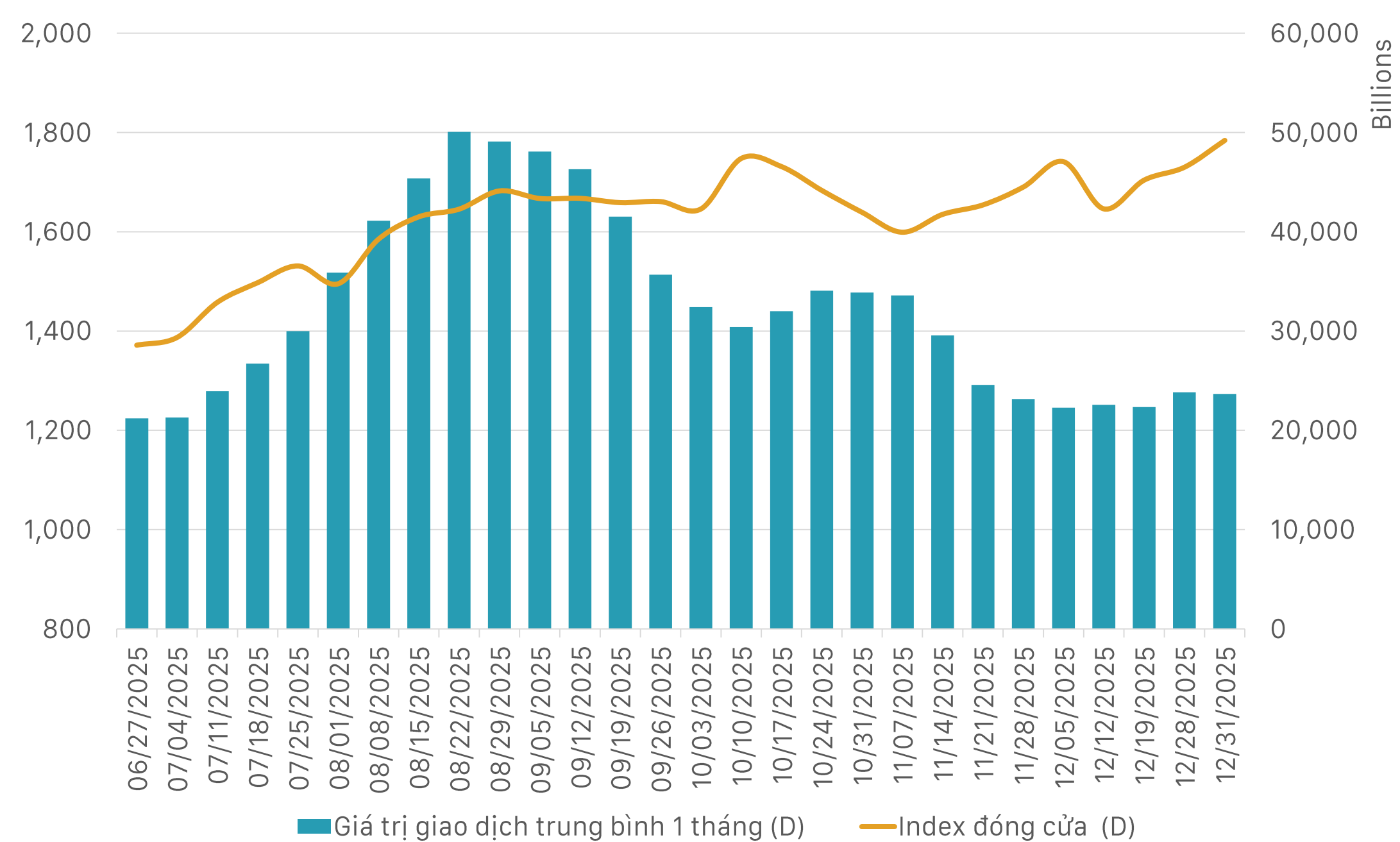
Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



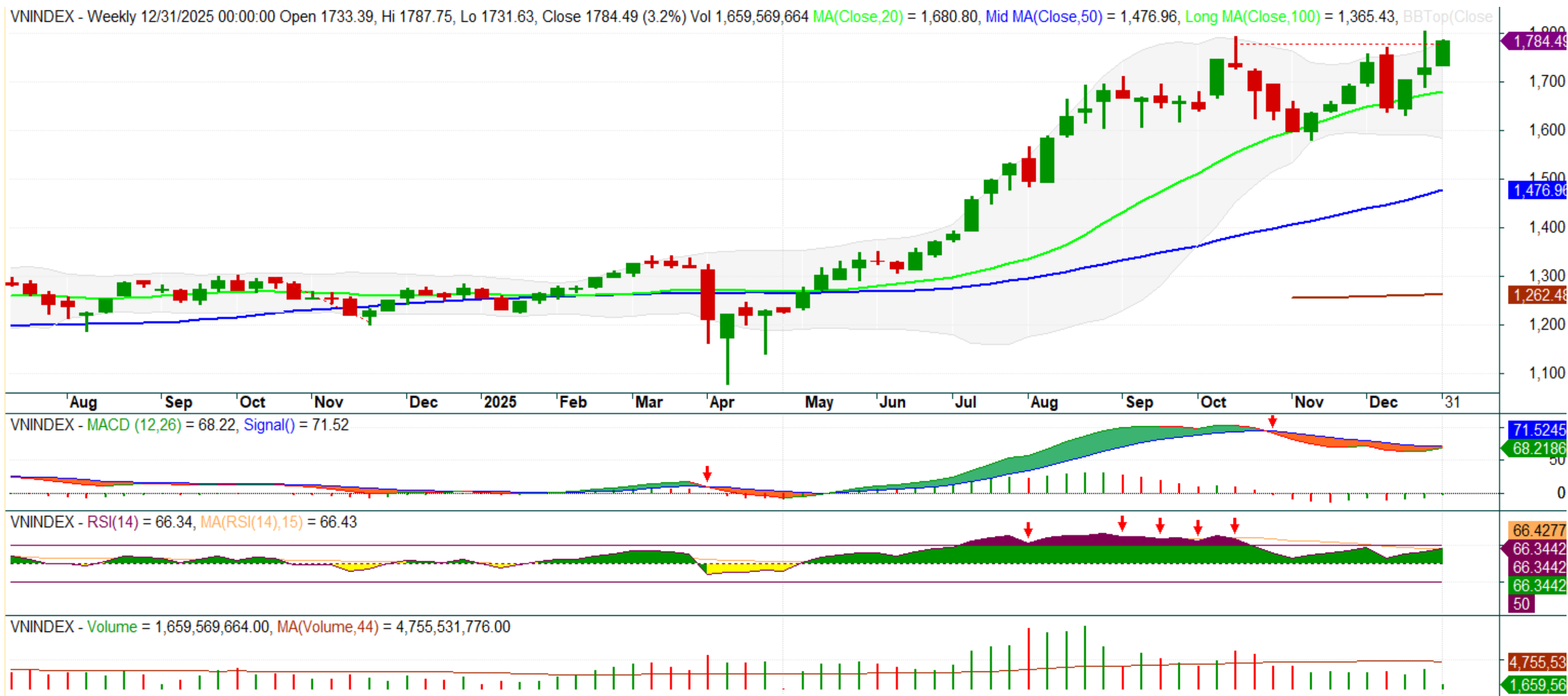
Đồ thị ngày VN-Index



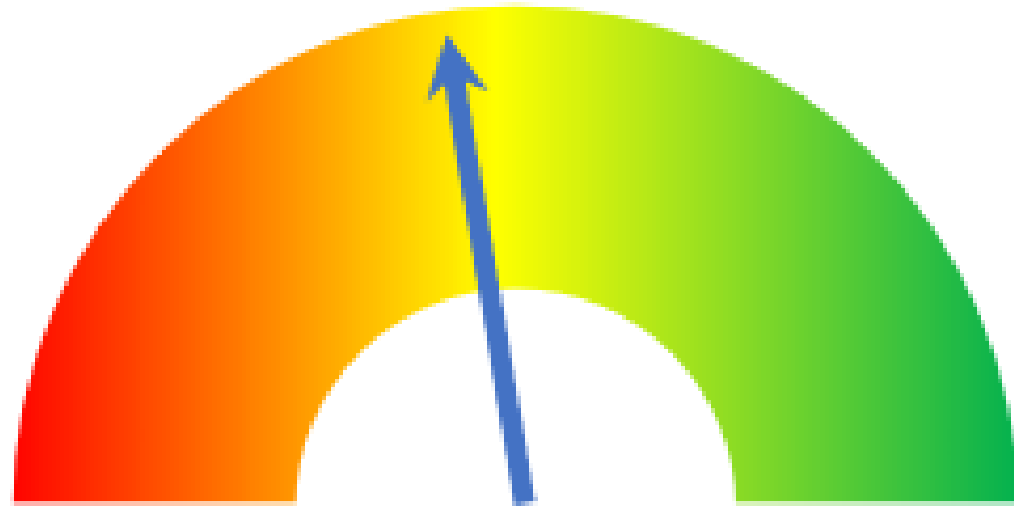
Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất



- Trong tuần cuối năm 2025, thị trường duy trì đà tăng mạnh mẽ, với VN-Index khởi đầu ở mức 1,754 điểm và chốt năm tại 1,784 điểm ngày 31/12 đánh dấu mức đóng cửa cao nhất lịch sử. Khối lượng giao dịch trung bình khoảng 550-600 triệu cổ phiếu mỗi ngày, phản ánh tâm lý lạc quan từ nhà đầu tư nội địa và dòng vốn ngoại quay lại mua ròng hơn 1700 tỷ chỉ trong 3 ngày. Các cổ phiếu đáng chú ý bao gồm nhóm Vingroup như VIC tăng mạnh 3-6% trong tuần, VHM và VRE cũng góp phần lớn vào chỉ số, cùng với HDB và VJC dẫn dắt đà tăng nhờ lợi nhuận quý IV vượt kỳ vọng.
- Tổng kết năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam bùng nổ với VN-Index tăng hơn 40%, từ mức khoảng 1,270 điểm đầu năm lên gần 1,800 điểm, xếp hạng top thế giới và vượt trội so với các thị trường mới nổi. Động lực chính đến từ cải cách cấu trúc, hiện đại hóa công nghệ giao dịch, loạt IPO lớn như TCX, VPX, VCK thu hút vốn khủng, cùng tăng trưởng kinh tế vững chắc 8% GDP và dòng vốn nội địa dồi dào. Các ngành dẫn dắt bao gồm nhóm ngân hàng với nhiều cổ phiếu MBB, TCB, HDB tăng trên 30%. Đặc biệt là nhóm cổ phiếu Vingroup đóng góp lớn nhất, với khoảng 75% mức tăng của thị trường.



Mức độ hưng phấn thị trường



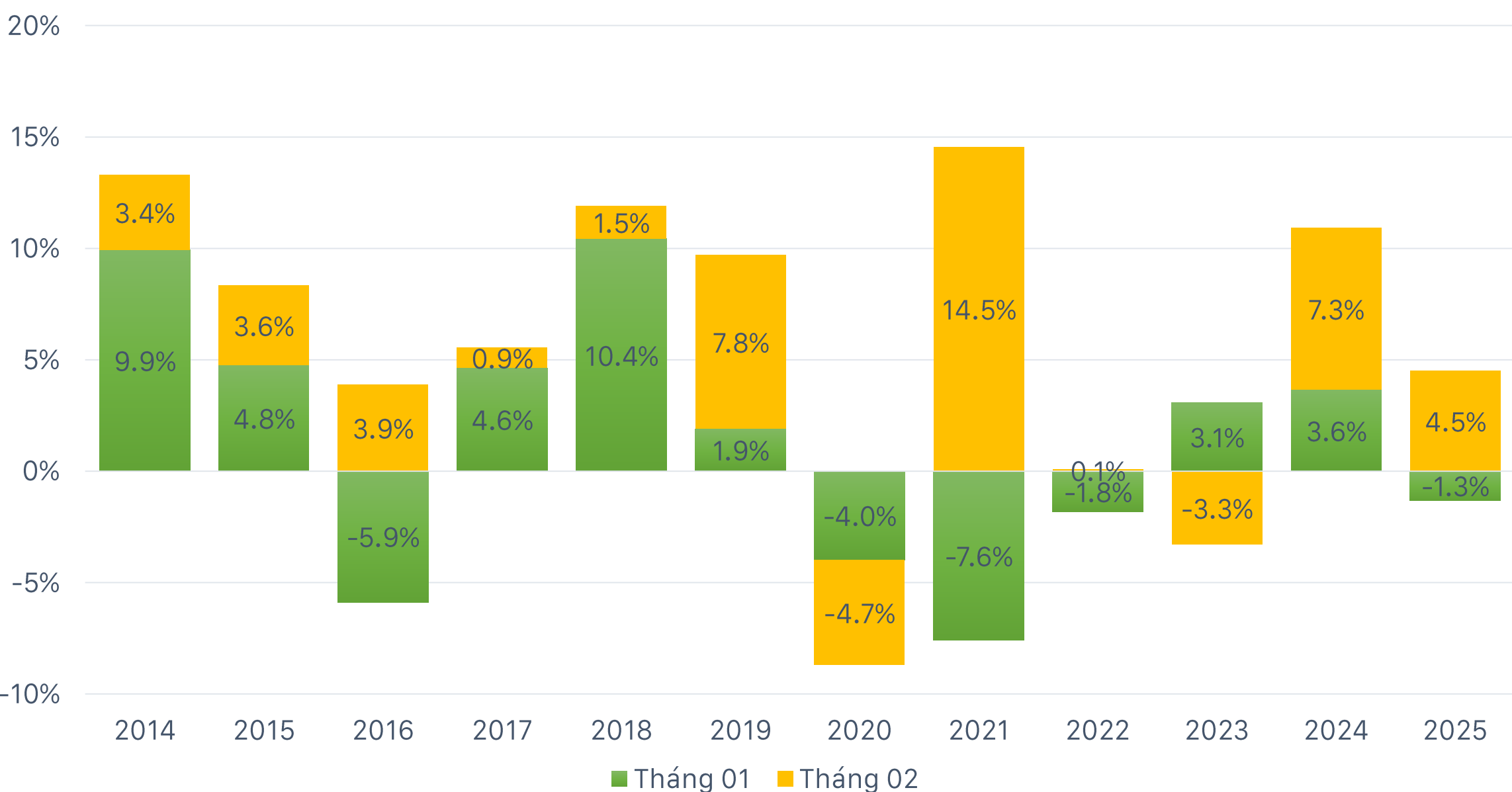
RSI	63.35
MACD	22.52
MFI	67.99
MA20	1725
MA50	1678
MA200	1508

- Thị trường đã có 3 tuần liên tiếp tăng trưởng mạnh mẽ và vượt qua nền đỉnh kháng cự cũ quanh 1770 duy trì xu thế tăng trung hạn. Phiên cuối năm dù thanh khoản không quá nổi bật nhưng cũng ghi nhận dòng tiền hưng khởi và sẵn sàng tích lũy cổ phiếu chờ đợt sóng trong năm mới. Tuần lễ đầu năm mới mọi năm thường diễn biến khá trầm lắng do nhà đầu tư chưa tham gia trở lại thị trường sau kỳ nghỉ lễ dài nhưng năm nay có thể sẽ có nhiều khác biệt.
- Dự báo cho tuần đầu năm mới Vnindex có thể duy trì đà tích cực nhưng với biến động cao hơn, dao động quanh 1.770-1.800 điểm, nhờ tâm lý lạc quan từ năm 2025 kỷ lục và dữ liệu GDP Q4 công bố ngày đầu năm dự kiến tăng trưởng lạc quan. Tuy nhiên, cần lưu ý thị trường được kéo mạnh trong những phiên vừa qua phần lớn đến từ nhóm cổ phiếu họ Vin vì vậy cần theo dõi diễn biến giá nhóm này. Khả năng bộ ba VIC, VHM, VRE sẽ vẫn diễn biến tích cực và tiếp tục gây ảnh hưởng lên chỉ số chung. Nhóm ngân hàng (HDB, TCB, VPB, CTG, MBB, STB) và chứng khoán vẫn đang hút tiền mạnh, phù hợp để theo dõi cho chiến lược nắm giữ hoặc mua khi điều chỉnh.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



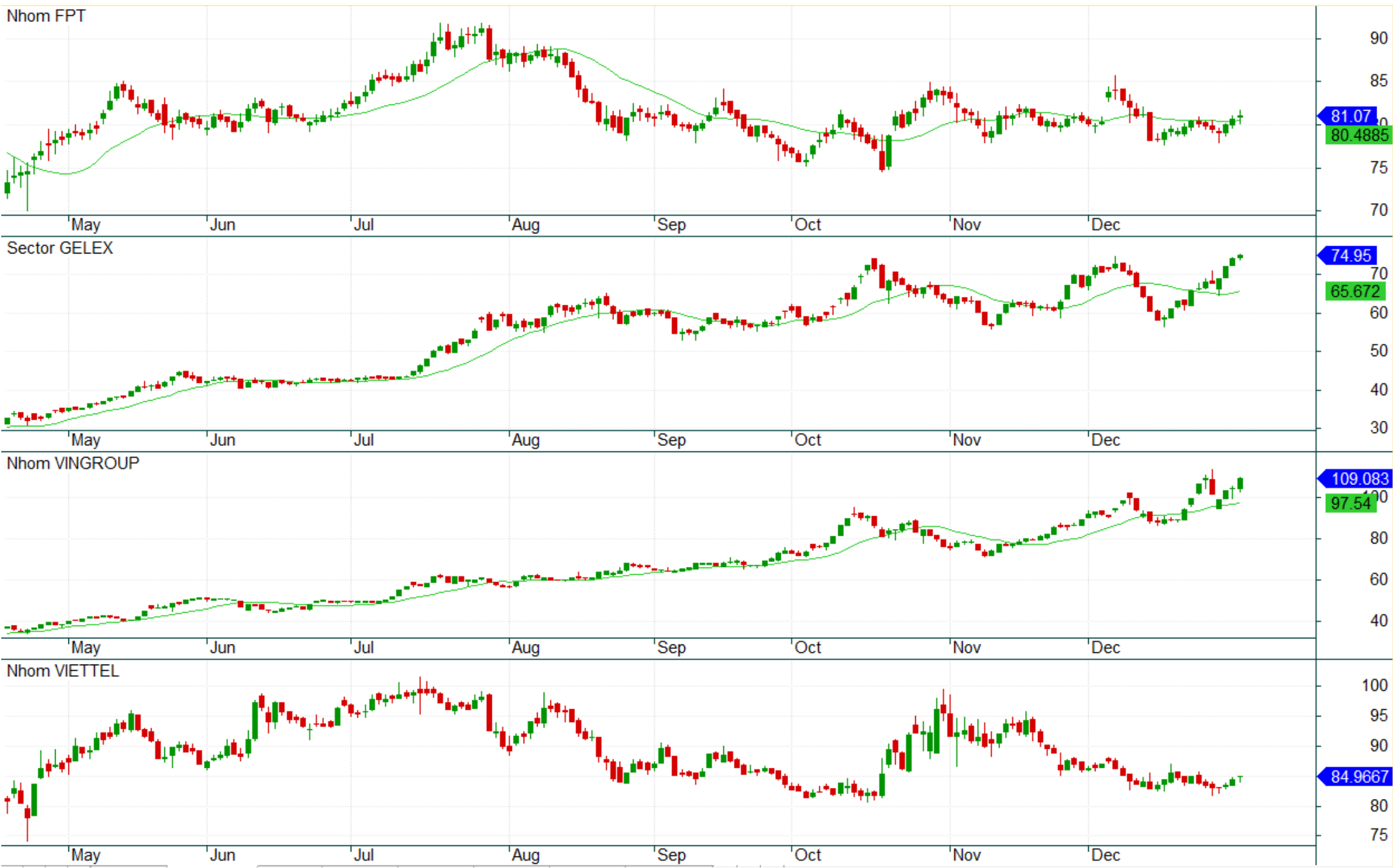
Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014



- P/E thị trường Việt Nam cuối năm dừng ở mốc 14.9 sau các phiên tăng mạnh vượt đỉnh cuối năm. Chỉ số PE hiện tại vẫn ở mức trung bình trong khoảng 10 năm gần đây. Mức PE hiện tại ở nhiều cổ phiếu vẫn ở mức trung bình thấp do bị tác động ở một số cổ phiếu lớn có PE cao. Khi các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh cuối năm, chỉ số PE chung thị trường có thể điều chỉnh về một chút quanh 14.
- VN-Index khép lại tháng 12 với mức tăng gần 5%, cho thấy xu hướng phục hồi mạnh mẽ so với các năm trước. Đặc biệt các năm có tháng 12 tăng mạnh sẽ kéo đà sang tháng 1 như các năm 2021, 2022. Theo thống kê tháng 1 hầu hết các năm có mức tăng khá tốt đặc biệt là ở các năm 2023 và 2024 tăng trung bình trên 3%. Nếu bỏ qua giai đoạn Covid từ 2020 – 2022 thì hầu như tháng 1 các năm đều tăng trưởng ít nhất từ 1%. Thị trường năm nay sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục lặp lại lịch sử các năm và kỳ vọng có thể thiết lập mốc lịch sử mới trong những tuần đầu năm mới.

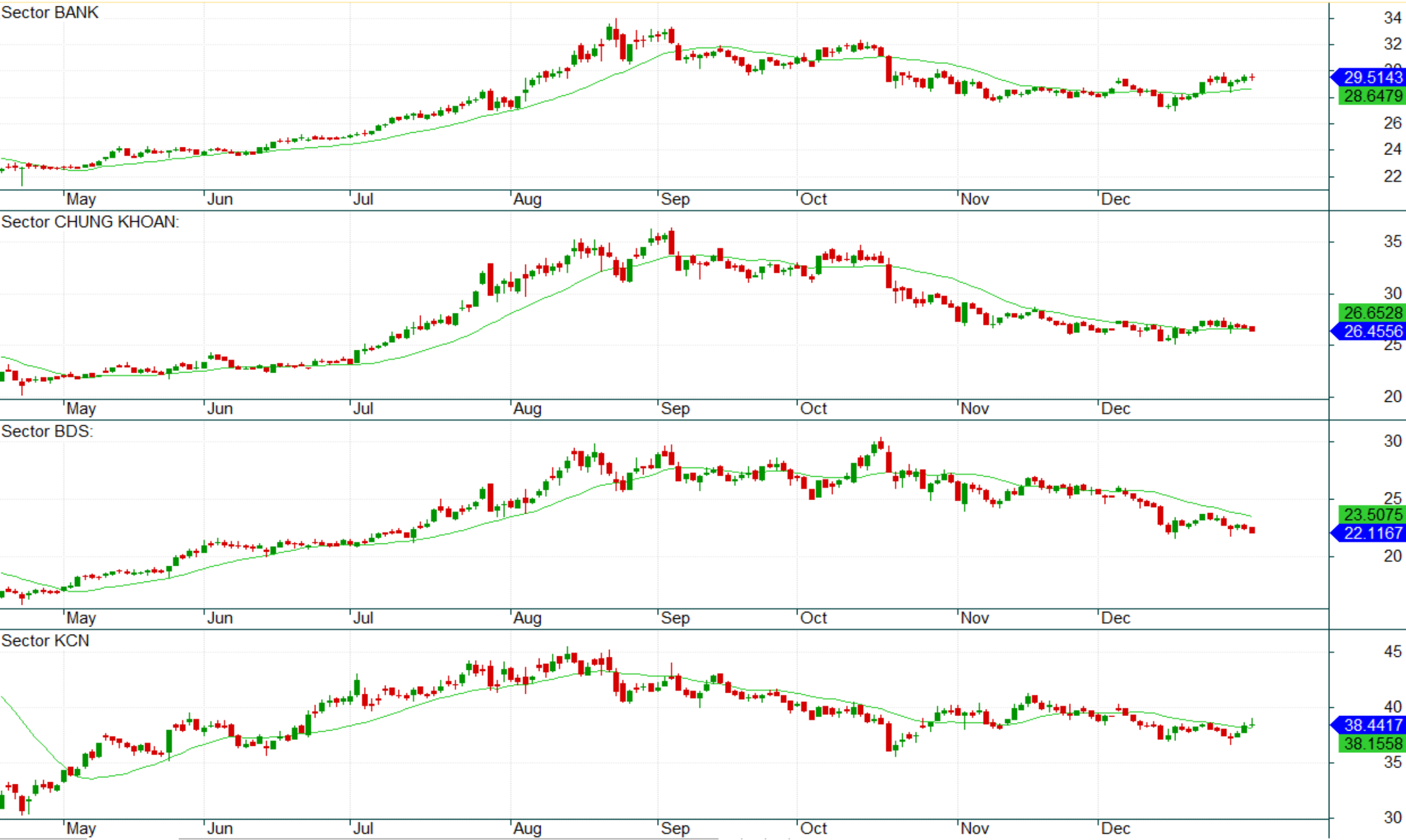
- Trong tuần qua **nhóm FPT** có tín hiệu hồi phục theo xu hướng chung thị trường với FPT, FRT tăng khá ấn tượng. **Nhóm Viettel** cũng hồi phục khá trong đó VGI có tín hiệu tăng tốt hơn VTP và CTR.
- **Nhóm Gelex** tiếp tục đà tăng mạnh đặc biệt ở GEE. Nhóm GEX, VIX, EIB đi ngang và tích lũy giá. **Nhóm Vingroup** tăng mạnh mẽ nhất ở cả 4 cổ phiếu nhưng VIC, VHM có mức độ bức phá mạnh hơn.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



- **Nhóm Ngân hàng** đang có tín hiệu hồi phục và thu hút dòng tiền ở một số nhóm ngân hàng như HDB, VPB, STB, MBB, TCB.
- **Nhóm BĐS** và **BDS khu công nghiệp** tiếp tục đà giảm và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều ngoại trừ nhóm cổ phiếu Vin.
- **Nhóm chứng khoán** đang tích lũy TCX, SSI, VIX, VCI, HCM đang chạm các hỗ trợ mạnh

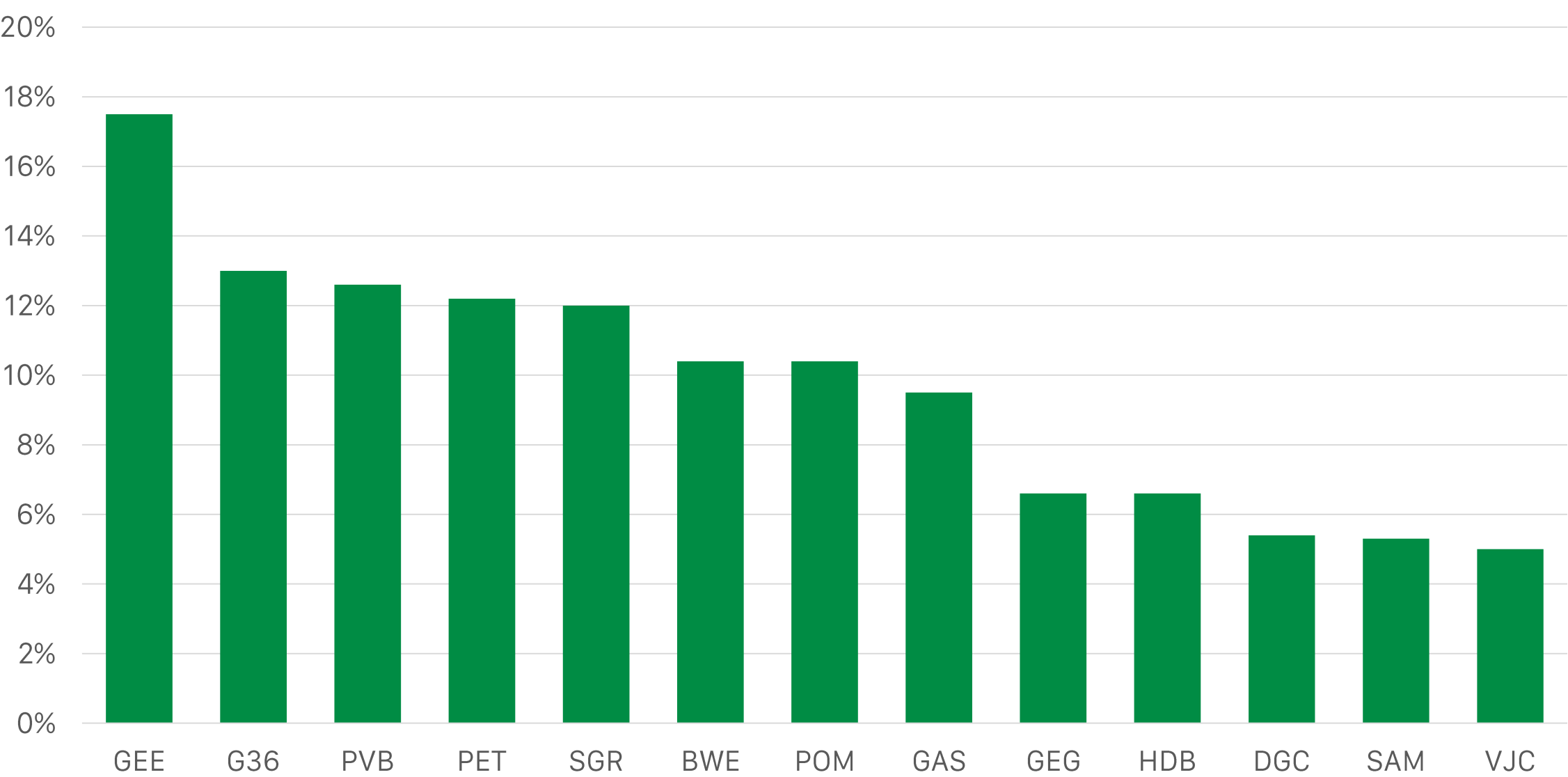
Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



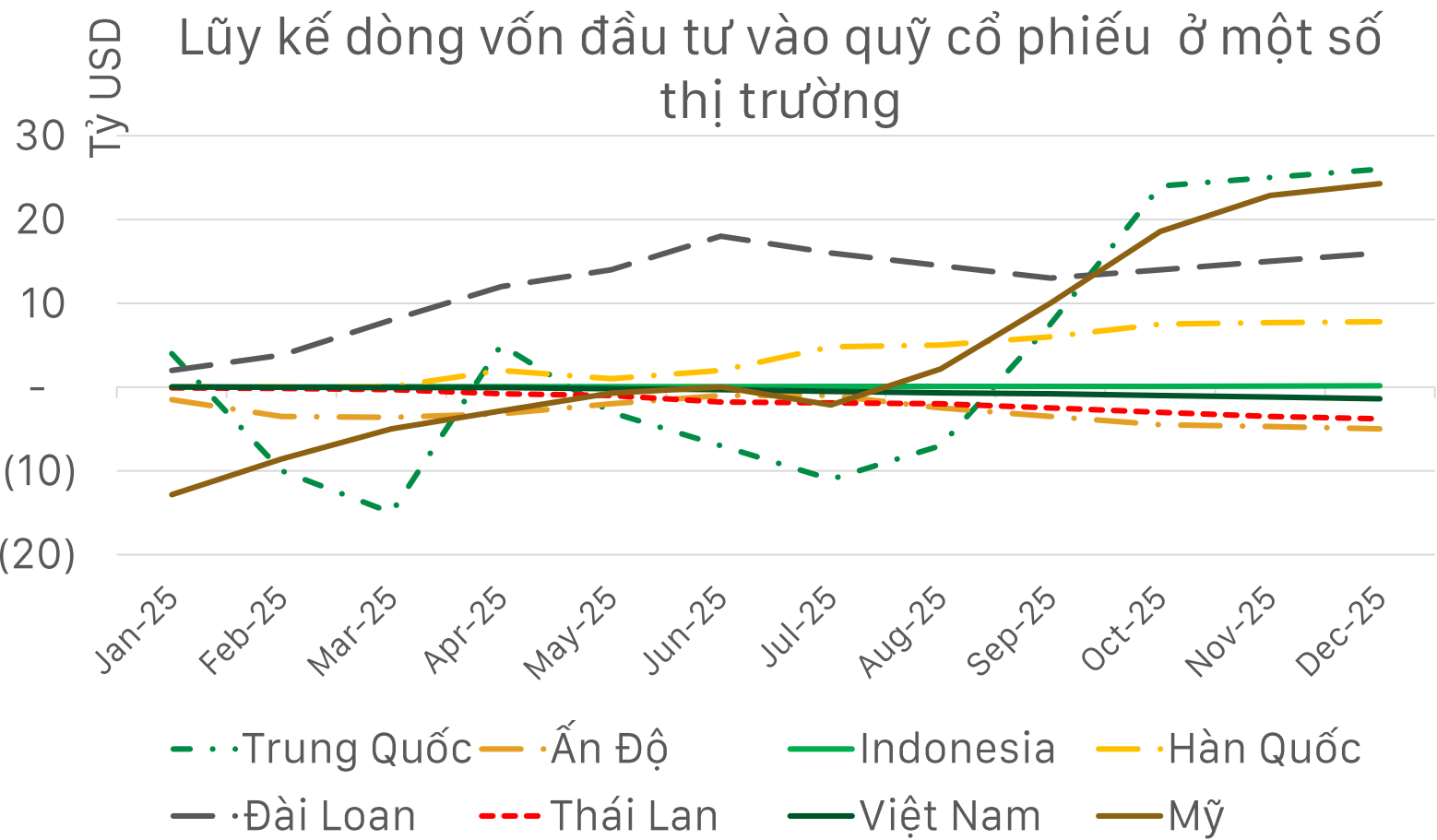
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,784.49	15.92	0.1%	4.9%
Ngân hàng	747.94	10.06	0.1%	3.2%
Dịch vụ tài chính	913.10	16.08	-0.9%	-2.4%
Bất động sản	1,153.08	33.08	0.2%	15.3%
Hóa chất	253.53	12.98	1.6%	-4.8%
Tài nguyên Cơ bản	450.51	16.30	-0.2%	-1.3%
Ô tô và phụ tùng	356.55	6.37	-1.8%	-2.2%
Bán lẻ	1,645.59	21.60	0.8%	8.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	160.91	10.33	0.0%	2.0%
Viễn thông	915.09	20.68	1.3%	-2.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,447.11	14.16	5.2%	4.6%
Dầu khí	95.81	20.90	0.6%	5.2%
Thực phẩm và đồ uống	1,073.92	20.60	1.7%	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	345.58	9.06	-1.0%	-2.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	345.99	14.49	-0.3%	-6.8%
Y tế	1,059.04	18.07	0.2%	2.9%
Công nghệ Thông tin	807.94	17.98	2.3%	-0.7%
Truyền thông	660.02	72.36	-1.1%	-1.3%
Bảo hiểm	392.02	13.52	2.2%	6.7%
Du lịch và Giải trí	49.09	27.64	-2.6%	-3.2%

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex tăng hơn 50 điểm trong đó đóng góp phần lớn đến từ nhóm Vingroup và một số cổ phiếu đặc biệt.
- Nhóm cổ phiếu Vingroup là tâm điểm tuần qua khi cả 4 cổ phiếu VIC, VHM, VRE, VPL đều tăng mạnh trở lại và gần về lại mức đỉnh cũ.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần đến chủ yếu từ nhóm Gelex với GEE tăng đến 18%, nhóm PVB, PET, GAS tăng hơn 10%. Một số cổ phiếu đáng chú ý có DGC tăng trở lại sau giai đoạn rơi hơn 30% từ vùng giá 90. Nhóm Vietjet nổi bật ở VJC và HDB tăng hơn 5%.

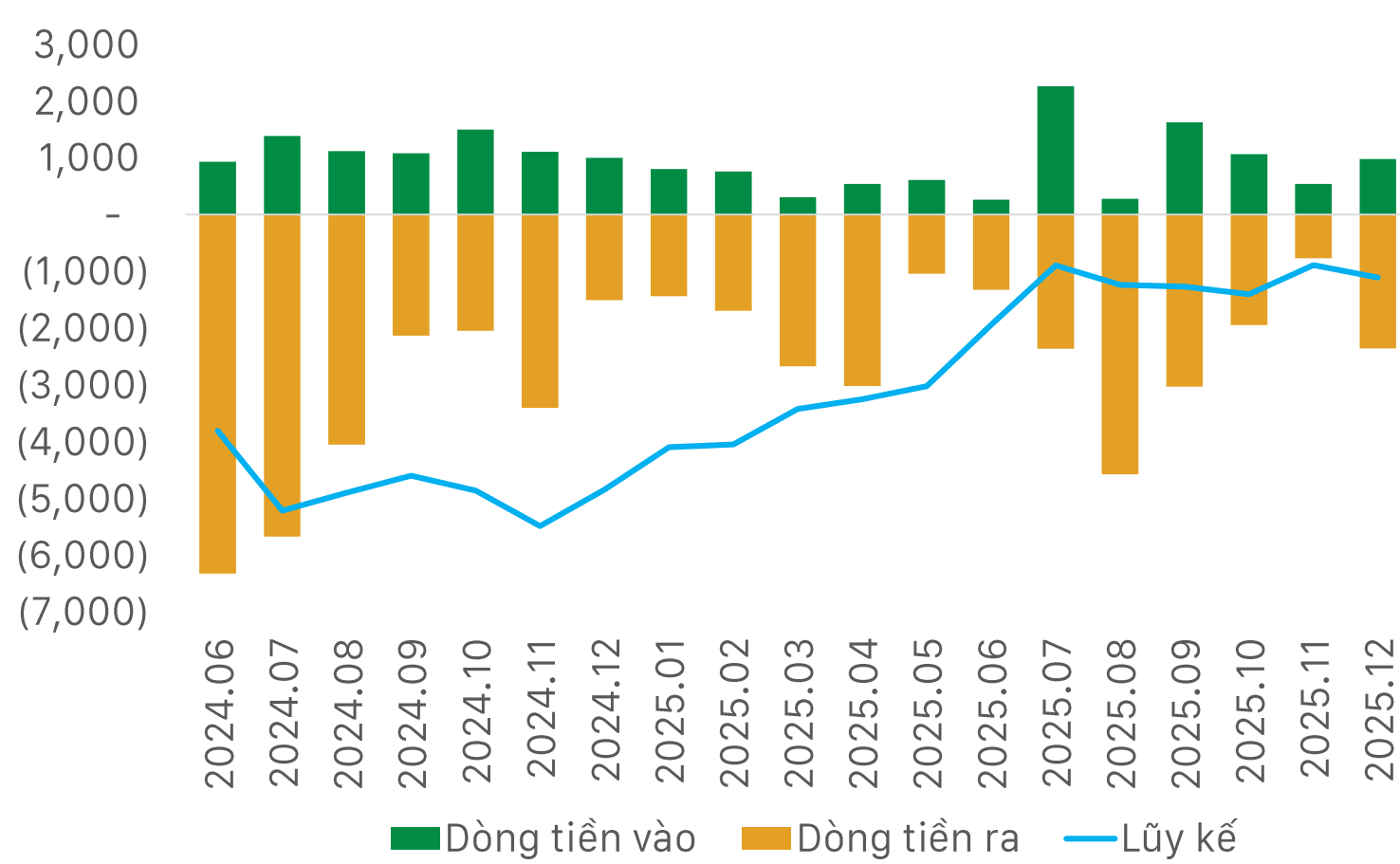
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



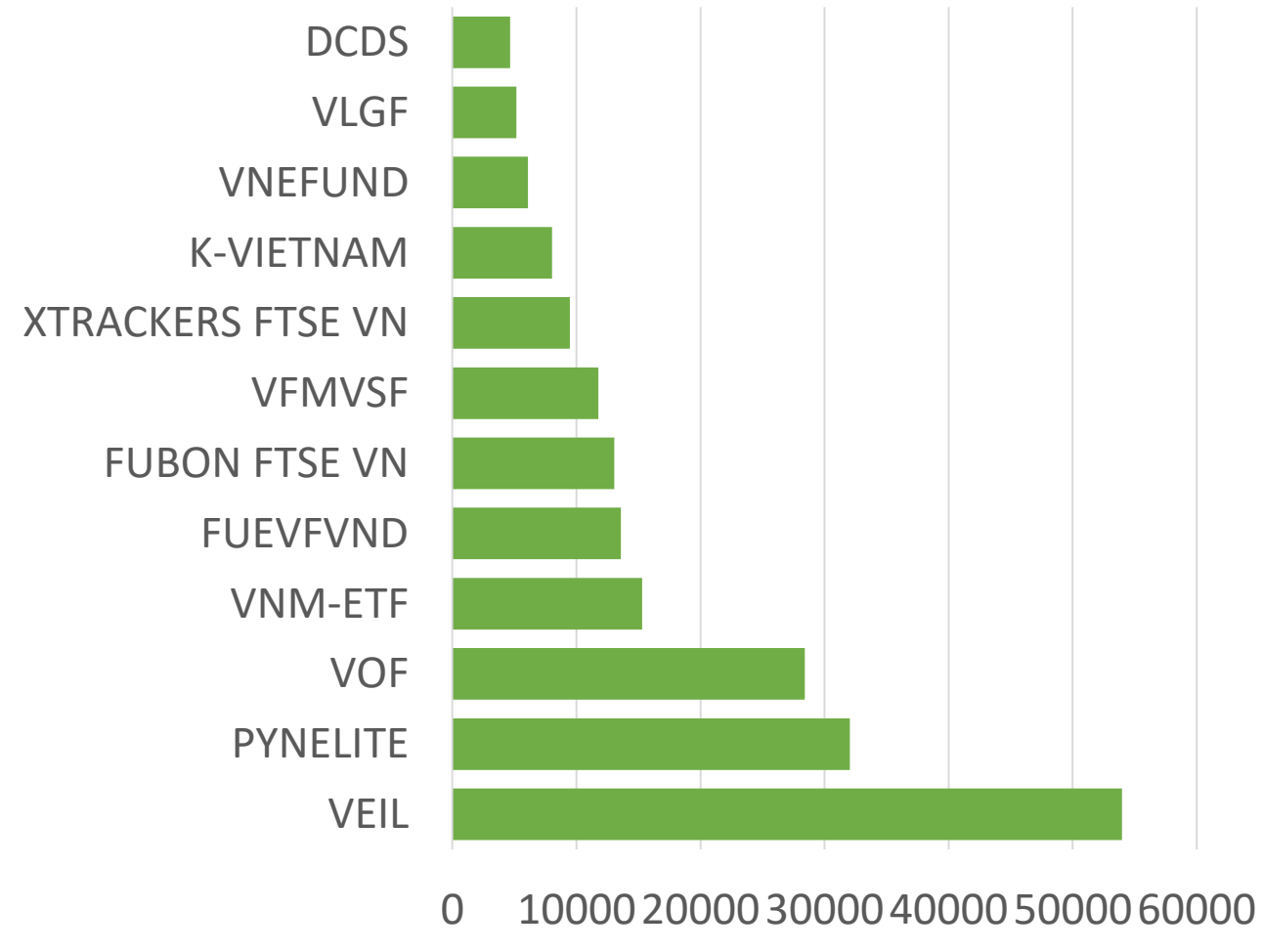
Lũy kế dòng vốn đầu tư vào quỹ cổ phiếu một số thị trường (tỷ USD)



Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

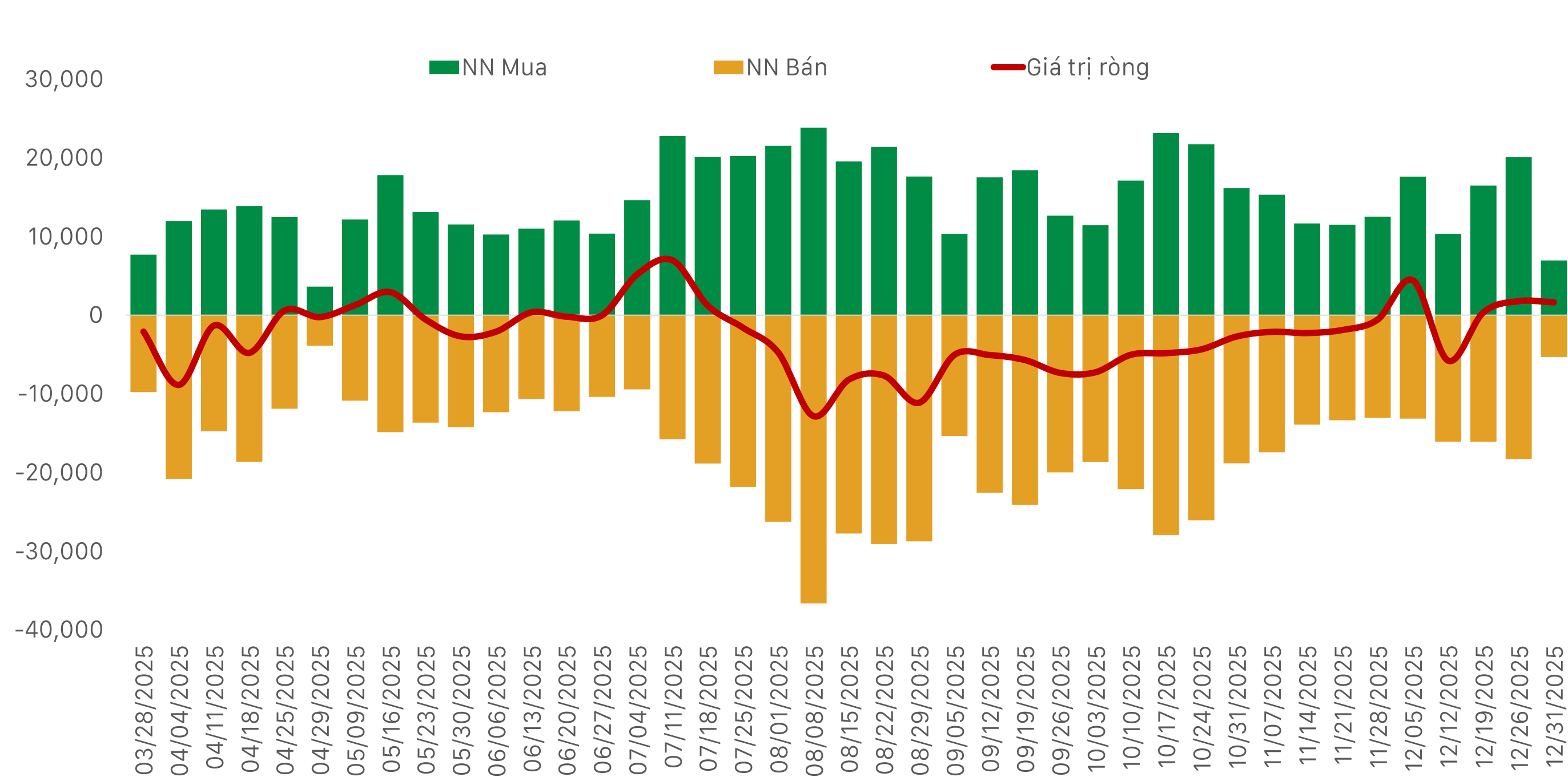


- Trong tuần giao dịch kết thúc tháng 12, dòng tiền toàn cầu có dấu hiệu chững lại khi nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước thêm năm mới. Tuy nhiên, quỹ ETF tiếp tục là điểm sáng nổi bật khi duy trì khả năng thu hút dòng vốn ổn định và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu tài sản của các quỹ cổ phiếu toàn cầu. ETF cổ phiếu, đặc biệt tại Mỹ và các thị trường phát triển, tiếp tục dẫn dắt dòng vốn nhờ lợi thế thanh khoản, chi phí thấp và kỳ vọng tăng trưởng thu nhập doanh nghiệp. Ở các ETF theo ngành, sản phẩm chủ đề như công nghệ, AI, và các chiến lược chủ động cũng ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong năm 2025. Ngược lại, ETF liên quan đến tiền điện tử và tài sản rủi ro cao như Bitcoin ETF gặp động thái rút vốn, phản ánh sự thận trọng khi thị trường crypto biến động mạnh.
- Tại các thị trường phát triển, các ETF cổ phiếu vẫn ghi nhận dòng vốn vào ròng, tập trung chủ yếu tại Mỹ, Canada và các quỹ cổ phiếu toàn cầu. Ngược lại, ETF cổ phiếu châu Âu và Nhật Bản chịu áp lực rút vốn do lo ngại về lãi suất duy trì ở mức cao và những bất ổn kinh tế – địa chính trị kéo dài. Ở nhóm thị trường mới nổi, dòng tiền ETF phân hóa rõ nét. Các ETF theo dõi thị trường mới nổi rộng (GEM) tiếp tục thu hút vốn và trở thành lực đỡ chính cho khu vực. Trong khi đó, các ETF châu Á (ngoại trừ Nhật Bản) và nhóm BRIC đối mặt với xu hướng rút vốn khi nhà đầu tư thận trọng trước những rủi ro về chính sách, tiền tệ và triển vọng tăng trưởng tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ. Ở thị trường cận biên, dòng tiền ETF phần lớn ở trạng thái trầm lắng, chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt. Rủi ro chính trị, biến động tỷ giá và hạn chế về thanh khoản khiến nhà đầu tư tiếp tục theo dõi và chờ đợi tín hiệu vĩ mô rõ ràng hơn trước khi tăng giải ngân.

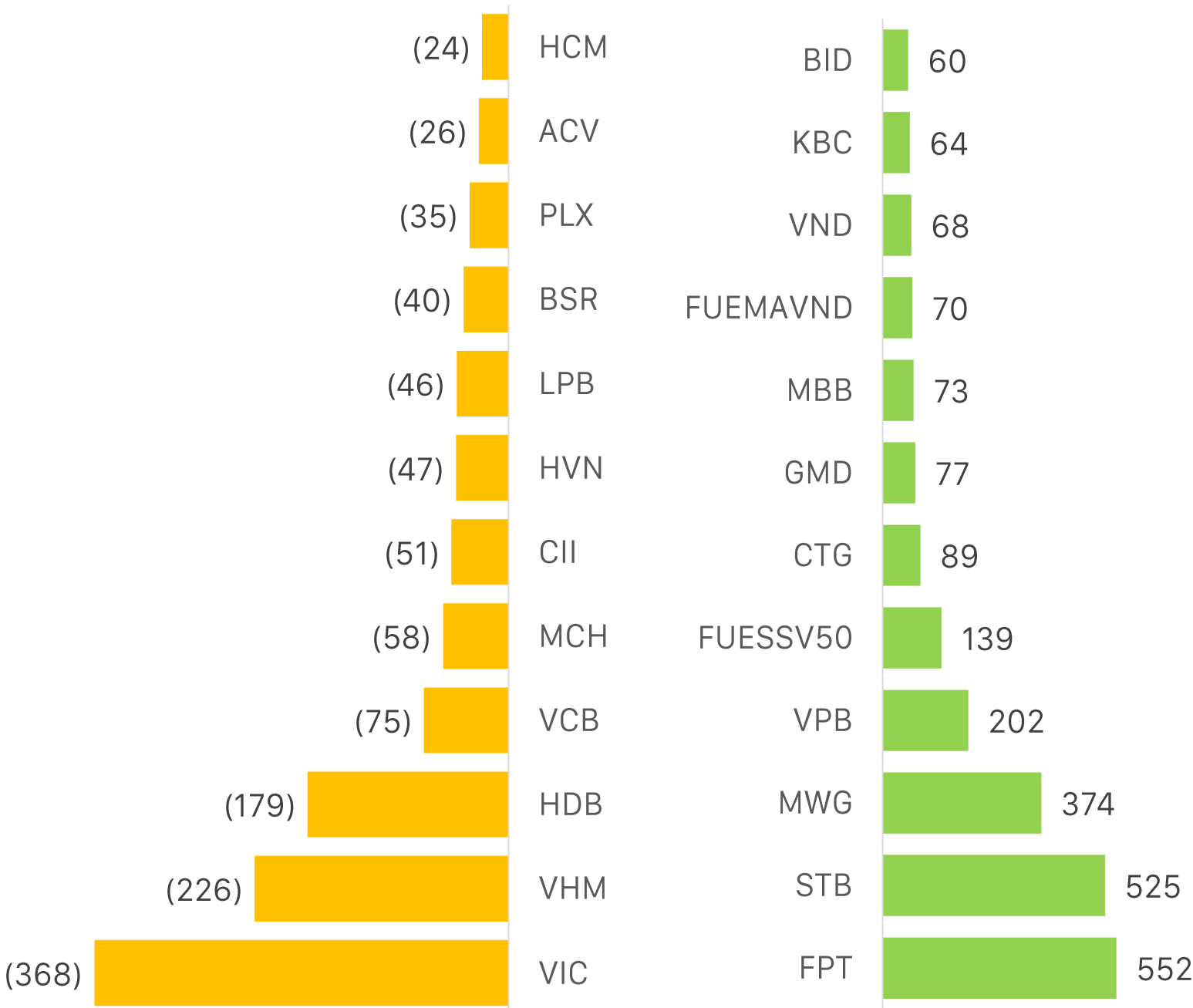
KHOẢNG GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

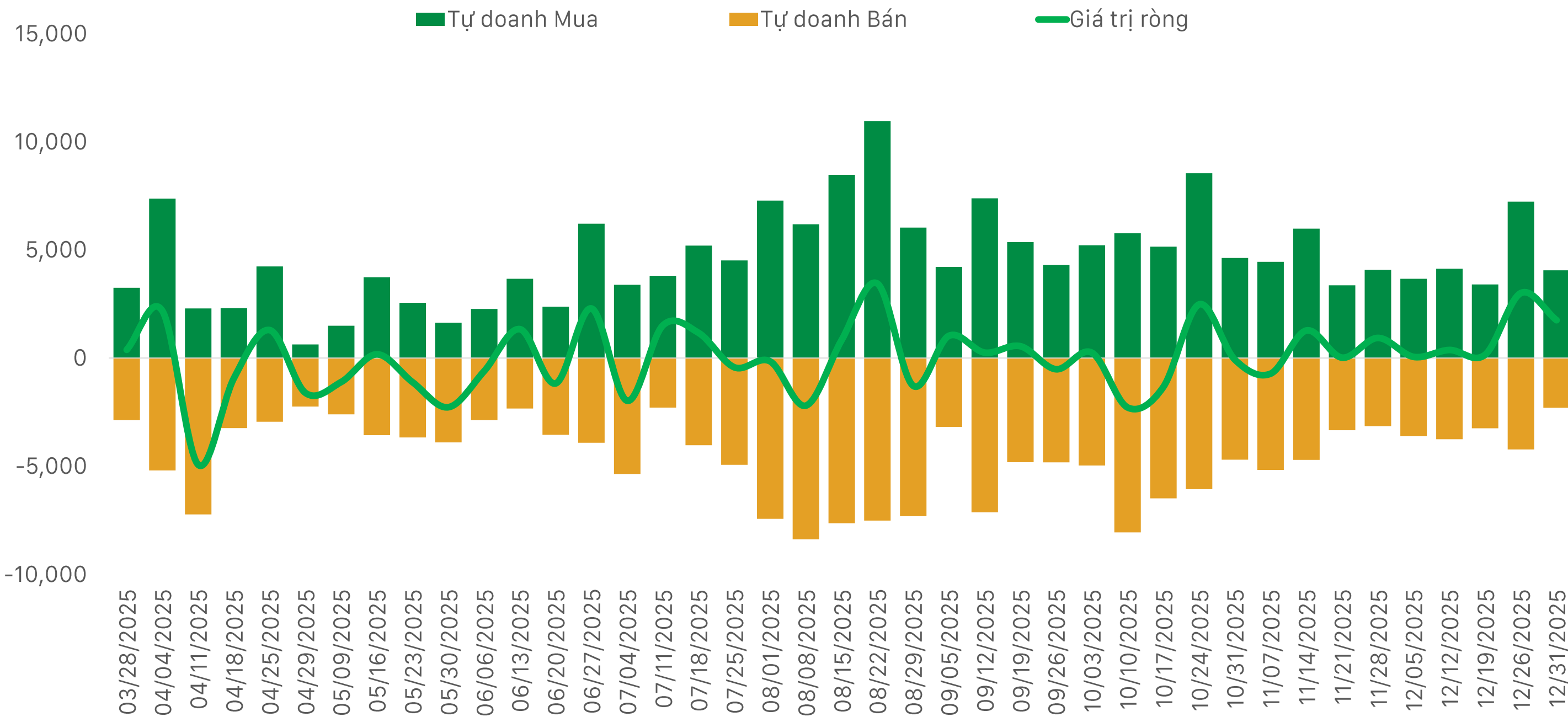


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào gần 7000 ngàn tỷ đồng và bán ra khoảng 5326 tỷ đồng. Giá trị mua ròng trong tuần khoảng 1628 tỷ đồng – Đây là tuần thứ ba liên tiếp khối ngoại mua ròng trong tháng 12. Như vậy trong tháng 12 khối ngoại đã mua ròng khoảng 2,378 tỷ đồng, đánh dấu tháng mua ròng đầu tiên kể từ đầu năm. Tuy nhiên tính chung cả năm khối ngoại đã bán ròng khoảng 2.3 tỷ cổ phiếu với giá trị khoảng 125 ngàn tỷ đồng. Nhiều hơn 38% so với 2024 (bán ròng 90000 tỷ đồng).
- Trong tuần qua những cổ phiếu mua ròng nhiều nhất nổi bật FPT và STB với tổng cộng hơn 1000 tỷ đồng. MWG đứng thứ ba với 374 tỷ đồng. Một số ngân hàng mua ròng đáng chú ý có VPB, CTG, MBB, BID.
- Phía bán ròng có VIC bán ròng nhiều nhất khoảng 328 tỷ đồng – giảm hơn 1/3 so với tuần trước, VHM đứng thứ hai khoảng 226 tỷ đồng. Một số cổ phiếu ngân hàng bán ròng nhiều có VCB, HDB, LPB.

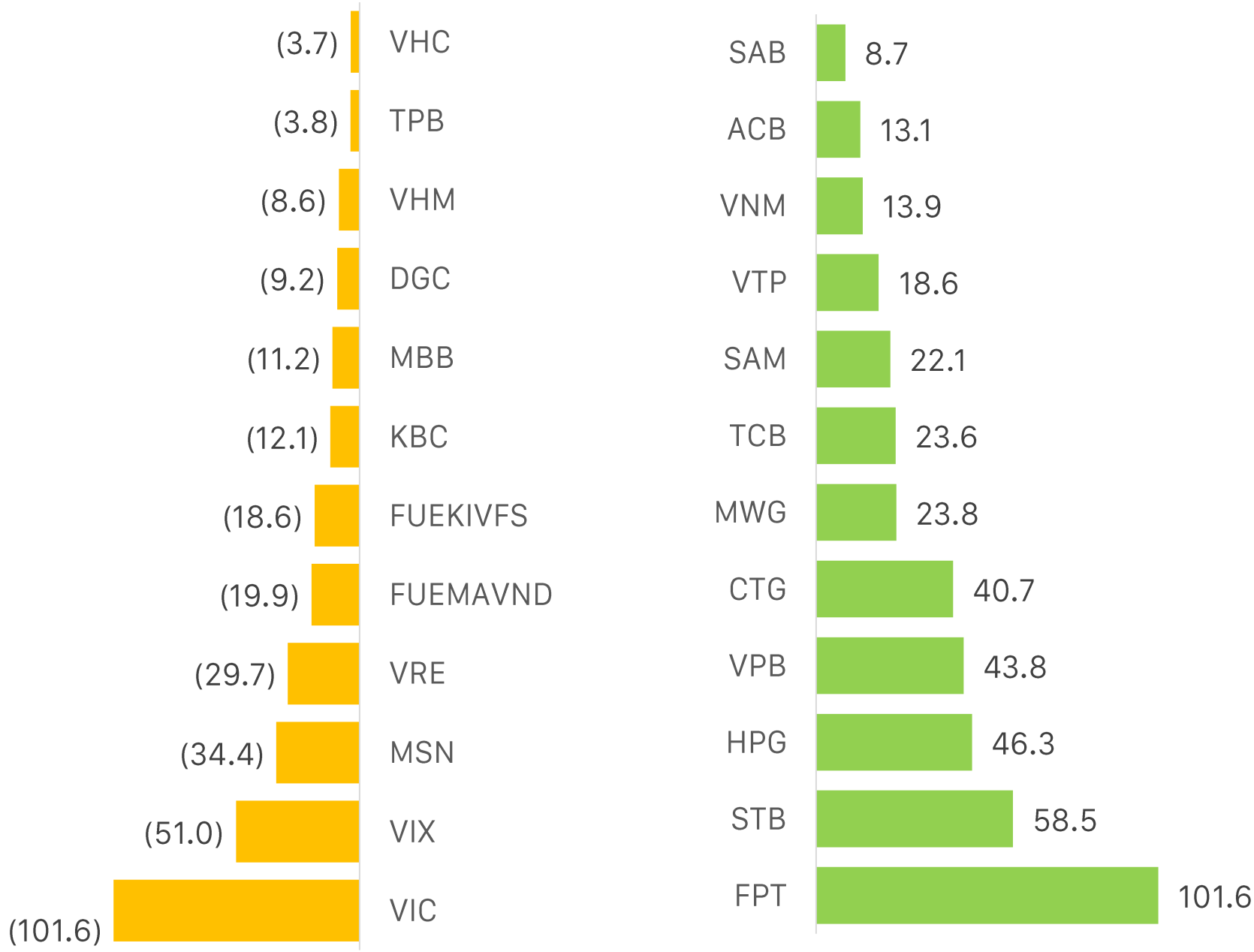
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



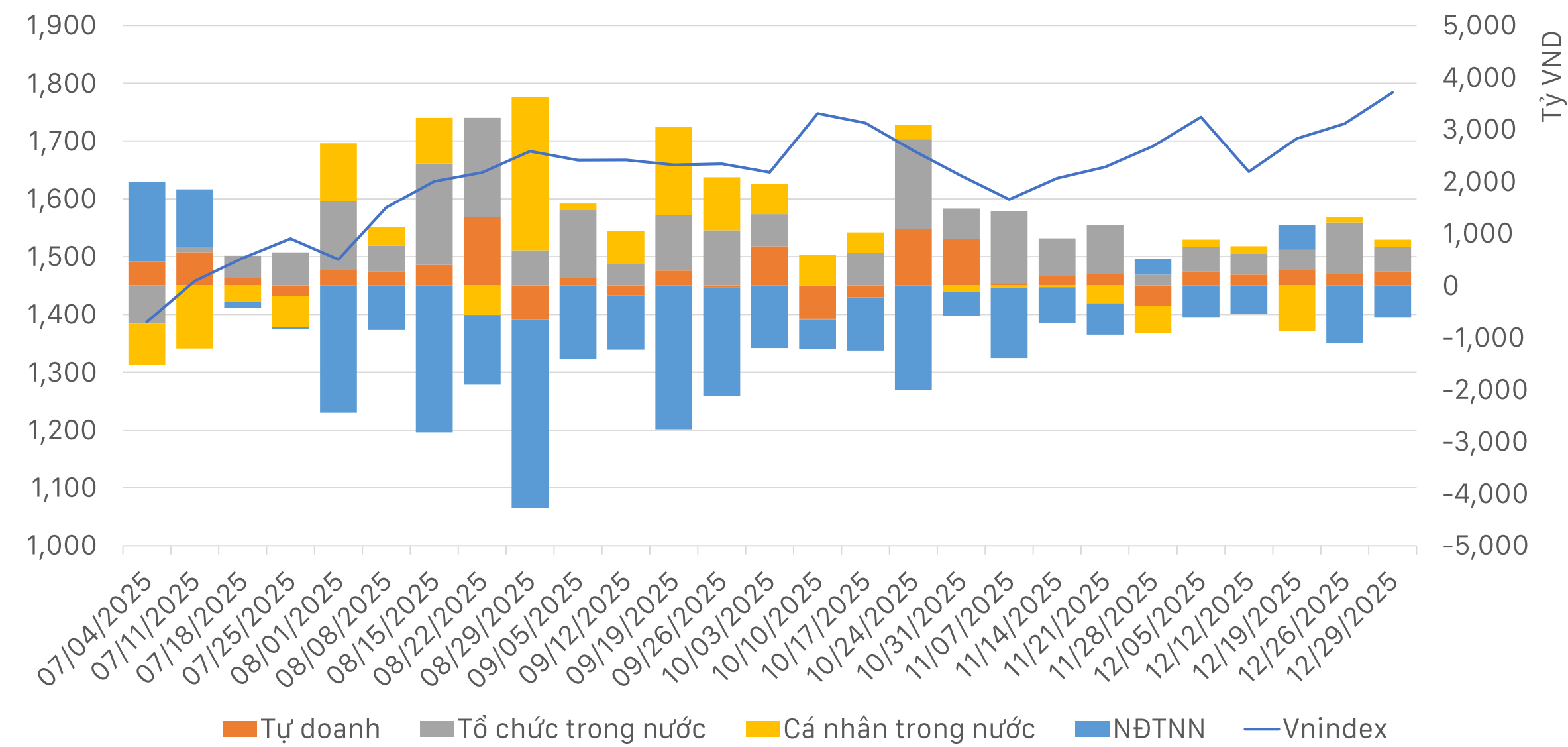
- Tuần vừa qua tự doanh mua vào hơn 4000 tỷ và bán ra 2302 tỷ -giá trị mua ròng đạt hơn 1700 tỷ đồng. Như vậy cả khối ngoại và nhóm tự doanh đều mua ròng chứng khoán mạnh trong tuần cuối năm.
- Tự doanh tập trung mua ròng nhiều nhất FPT với hơn 100 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng chiếu khá nhiều ở STB (58.5 tỷ), VPB (43.8 tỷ), CTG (40.7 tỷ) và TCB, ACB. Một số cổ phiếu mua ròng nhiều nổi bật có HPG, MWG, VTP.
- Phía bán ròng nhiều nhất là VIC khoảng 101 tỷ, VIX (51 tỷ), VRE, VHM cũng nằm trong nhóm bán ròng từ 8 – 30 tỷ đồng. Một số cổ phiếu bán ròng nhiều có MSN, KBC, MBB, DGC.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	33.7%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	21.1%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	9.4%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	1.4%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	3.8%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	5.7%	HHS, HUT	
Bán lẻ	6.6%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.0%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	4.1%	VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.2%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.6%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	2.2%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.4%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	2.2%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, ELC	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.4%	HVN	

- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng tăng vượt trội trong tuần qua và chiếm đến 33% tổng giao dịch thị trường, Nhóm thứ hai là chứng khoán chỉ chiếm khoảng 21%.
- Thanh khoản chung thị trường đang giữ ổn định quanh mức 20 ngàn tỷ mỗi phiên và dòng tiền tập trung vào một số nhóm cổ phiếu riêng lẻ như nhóm Vingroup hay một số nhóm cổ phiếu nổi trội ở nhóm ngân hàng. Dòng tiền từ khối cá nhân và tổ chức trong nước vẫn đóng góp chính cho thanh khoản thị trường.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh và khả năng kịch bản xấu nhất Vnindex có thể thoái lui về quanh vùng 1500- 1550. Các nhóm cổ phiếu chứng khoán, BĐS hiện vẫn là những nhóm ngành rơi nhiều nhất. Mức độ phân hóa thị trường có thể gia tăng trong tuần sau.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

- Ngân hàng: OCB, MBB
- Bán lẻ, thực phẩm: MWG,HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	OCB	15,000	23%	1,460	8.32	- Lợi nhuận trước thuế của OCB quý III ghi nhận mức 1.538 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với 9 tháng năm 2024. - Thu thuần từ lãi tăng mạnh đến 17,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2.424 tỷ đồng nhờ vào việc tăng trưởng quy mô tín dụng - Tăng trưởng tín dụng tăng 24% so với đầu năm, tập trung bán lẻ và SME, hỗ trợ tăng trưởng bền vững theo chiến lược tái cơ cấu. - Tỷ lệ CASA tăng từ mức 14,9% ở cuối năm 2024 lên 16% vào cuối quý III/2025, góp phần tiết giảm chi phí vốn huy động.
2	MBB	28,000	20%	3,020	7.72	- Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% - Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. - Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. - Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.
3	MWG	95,000	25%	3,944	19.4	- MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. - BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. - MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. - MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HAG	22,000	25%	1,194	13.3	- HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. - Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. - Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	15,000
% tăng giá	23.5%
Vùng giá mua	11,500 - 12,000
Giá dừng lỗ	9,500

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2025 với lợi nhuận trước thuế đạt 1.538 tỷ đồng, tăng gấp ba lần so với cùng kỳ, nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với năm trước, hoàn thành vượt bậc kế hoạch năm.
- Tổng thu thuần quý III đạt 2.931 tỷ đồng, tăng 27,9%. Thu lãi thuần tăng 17,4% lên 2.424 tỷ đồng nhờ mở rộng tín dụng. Thu ngoài lãi bù đắp nỗ 123,1% đạt 507 tỷ đồng, từ dịch vụ ngoại tệ và hoạt động khác, phản ánh chiến lược đa dạng hóa nguồn thu và tái cơ cấu hiệu quả.
- Sự phục hồi kinh tế đã hỗ trợ ngân hàng, với đầu tư công nghệ và quản trị rủi ro. Tỷ lệ giao dịch số đạt 98%, CASA tăng lên 16% từ 14,9% cuối 2024, giúp giảm chi phí vốn.
- Tính đến 30/9/2025, tổng tài sản đạt 315.162 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch. Huy động thị trường 1 tăng 14,3% lên 219.998 tỷ đồng; dư nợ tín dụng tăng 12,4% lên 202.863 tỷ đồng, tập trung bán lẻ và SME (tăng 10,1% quý III). OCB ra mắt sản phẩm vay nhanh cho SME với hạn mức 10 tỷ đồng, phê duyệt trong 8 giờ.
- OCB tiếp tục thúc đẩy kinh doanh bền vững, dư nợ tín dụng xanh tăng 30% so với 2023. Ngân hàng lọt Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2025, gắn kết kinh doanh với trách nhiệm xã hội. Dự kiến năm 2025, OCB đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 33%, tổng tài sản tăng 13% lên 316.779 tỷ đồng.

Phân tích kỹ thuật

OCB đang trong kênh giảm giá do tác động chung của thị trường và xu hướng giá chung của ngành ngân hàng. Vùng giá thấp nhất trong năm là hỗ trợ mạnh quanh 11.5-12. OCB là cổ phiếu có độ nhạy thấp so với Vnindex và không cùng pha vì vậy khi thị trường chung giảm mạnh, giá OCB có thể giữ giá tốt hơn. Vùng mua thích hợp có thể chờ quanh 11.5 để giải ngân cho mục tiêu dài hạn.



OCB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	11.6%	15.1%	10.6%	11.9%	14.4%	15.5%
CAR (%)	13.0%	12.3%	12.8%	13.3%	12.5%	12.5%
Tăng trưởng tín dụng (%)	25.5%	14.3%	17.1%	22.4%	16.3%	24.2%
EPS (VND)	3,193	3,185	2,562	1,608	1,275	1460
P/B	1.6	1.1	0.8	0.8	0.9	1.0
BVPS (VND)	15,910	15,917	18,448	13,887	12,844	12,260
ROE (%)	24.4%	22.5%	14.9%	12.3%	10.5%	12.0%
NIM (%)	3.9%	3.6%	3.9%	3.3%	3.5%	3.3%
LDR (%)	101.3%	102.2%	115.7%	114.9%	118.1%	124.2%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.3%	2.2%	2.7%	3.2%	3.7%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	62.1%	82.7%	59.5%	64.1%	47.1%	40.6%
Vốn CSH/ Tài sản	11.4%	11.8%	13.0%	11.9%	11.3%	10.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	28,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	21,000 - 22,000
Giá dừng lỗ	19,000

Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng giảm trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy mức độ điều chỉnh là hợp lý. Vùng hỗ trợ MBB quanh 20-21 là đường MA200 dài hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 28.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.329 triệu tỷ đồng, tăng 17,7% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dự nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dự nợ cho vay khách hàng tăng 20%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Tiền gửi khách hàng đạt 788 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%; CASA đạt 292 nghìn tỷ đồng, tăng 27%, dẫn đầu thị trường, giúp tối ưu chi phí vốn. Lợi nhuận trước thuế đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12%, hoàn thành 73% kế hoạch năm. CIR giảm còn 27,9%; nợ xấu 1,87%, bao phủ 80%.
- MB dẫn đầu chuyển đổi số, phục vụ 33,9 triệu khách hàng, 9,6 tỷ giao dịch số; doanh thu kênh số chiếm 40%. Mới đây, MB tổ chức diễn đàn MB Economic Insights 2025, quy tụ 400 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, chia sẻ giải pháp kinh tế toàn diện. Dự kiến tăng trưởng tín dụng cả năm 25-30%, chủ động mua lại 212 tỷ trái phiếu. MB cam kết phát triển bền vững, hướng tới ngân hàng xanh, đồng hành doanh nghiệp và cộng đồng.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	95,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG đang suy giảm từ vùng đỉnh cao 80 xuống gần 70 theo áp lực chung của thị trường. Vùng hỗ trợ mạnh MWG quanh 66-70 nơi hội tụ nhiều lực mua lớn trước đây.

Các vị thế mua mới có thể mở khi MWG rơi xuống gần vùng giá 70. MWG đang là công ty đang tăng trưởng vì vậy giá sẽ hồi phục và tăng trưởng sau giai đoạn điều chỉnh. Mục tiêu từ 3-6 tháng tới quanh vùng giá 90.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG - HoSE) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2025 với doanh thu thuần hơn 39.850 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.783 tỷ đồng, tăng 17% và 120% so với cùng kỳ - mức cao nhất lịch sử. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 113.600 tỷ đồng, tăng 14%; lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 5.000 tỷ đồng, tăng 72%, vượt kế hoạch năm.

Chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đóng góp 76.500 tỷ đồng, tăng hai chữ số dù tinh gọn cửa hàng. Bách Hóa Xanh ghi nhận 34.400 tỷ đồng, nhờ mở thêm 520 cửa hàng, tập trung miền Trung và cải thiện hàng tươi sống, tiêu dùng nhanh.

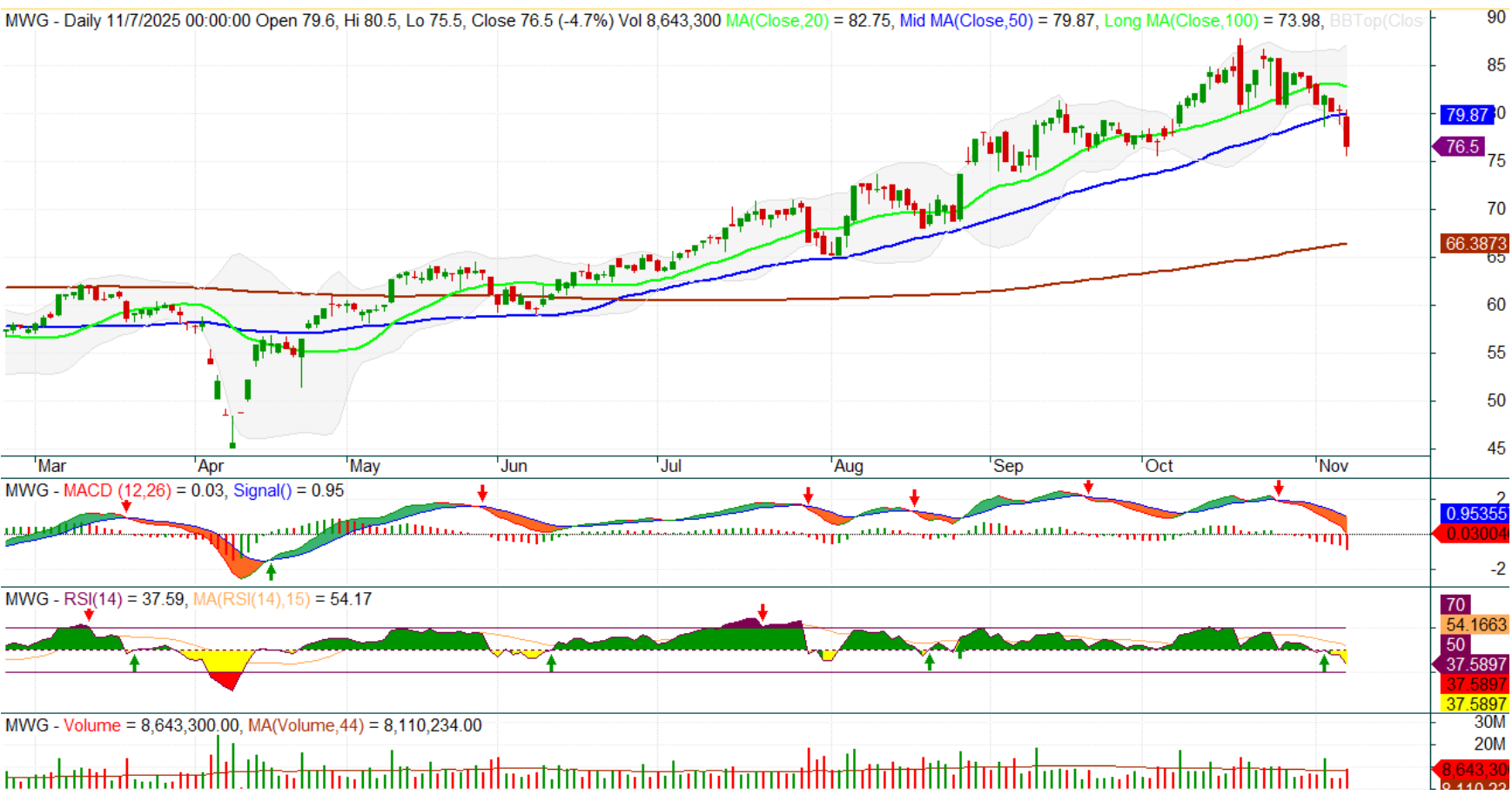
Doanh thu tài chính đạt 2.270 tỷ đồng, gấp ba lần cùng kỳ từ lãi tiền gửi và đầu tư ngắn hạn. Tổng tài sản cuối quý III đạt 80.300 tỷ đồng, tăng 10.000 tỷ so đầu năm; tiền gửi và trái phiếu 38.400 tỷ đồng.

MWG vận hành 5.880 cửa hàng, bao gồm 2.290 Bách Hóa Xanh, An Khang và 144 cửa hàng Indonesia; nhân sự giảm còn 61.201 người.

Mới đây, MWG tách An Khang và AvaKids thành hai công ty con vốn 2.700 tỷ đồng (2.200 tỷ cho An Khang, 500 tỷ cho AvaKids) để chuyên biệt hóa hoạt động.

Chuỗi EraBlue đã chính thức về đích sớm ngay trong tháng 10 – vượt mốc 150 cửa hàng và vượt kế hoạch lợi nhuận 18 tỷ Rp đặt ra trong năm 2025. Đây là kết quả đáng khích lệ với MWG tạo đà bứt phá cho năm 2026 và chu kỳ tăng trưởng 2026–2030 của MWG

Công ty cũng lên kế hoạch mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ, chi tối đa 2.000 tỷ đồng. Kế hoạch mở rộng Bách Hóa Xanh: tiến ra miền Bắc năm 2026, mở mới 1.000 cửa hàng/năm.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	113,607
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	4,989
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	22,247
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(1,086)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,480
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	31,797
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	80,288
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	21,489
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	3,944
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	13.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	28,706
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	28,706
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.3%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	22,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	16,000 – 17,000
Giá dừng lỗ	14,000

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 18 và có thể hướng đến 20 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. 9 tháng.2025 HAG đạt doanh thu 5,603 tỷ đồng và lợi nhuận 1312 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 - 22/7.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	5,603
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	1,312
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,214
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(564)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	13,284
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	27,744
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	10,481
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,194
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	8.6%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,257
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	2,115
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	8,371
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	63.0%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 ISM Manufacturing PMI dự kiến 48.3. Chỉ số thấp phản ánh sản xuất yếu, có thể làm giảm kỳ vọng lãi suất Fed, ảnh hưởng tiêu cực đến chứng khoán và USD.	 Fed Barkin Speech. Phát biểu ôn hòa có thể giảm lợi suất trái phiếu, hỗ trợ chứng khoán nhưng làm yếu USD	 Nonfarm Payrolls ADP dự kiến 45K. Dữ liệu việc làm mạnh có thể đẩy lợi suất lên, hỗ trợ USD nhưng gây áp lực bán chứng khoán	 Initial Jobless Claims dự kiến 205K. Số đơn thất nghiệp thấp củng cố Fed hawkish, tăng USD và lợi suất trái phiếu	 Leading Economic Index Prel dự kiến 110.7. Chỉ số dẫn dắt mạnh báo hiệu tăng trưởng, hỗ trợ JPY và thị trường chứng khoán.
 10-Year JGB Auction. Lợi suất cao hơn có thể tăng chi phí vay, ảnh hưởng đến thị trường trái phiếu và làm yếu JPY nếu lạm phát tăng.	 GDP Growth Rate YoY Q4. Tăng trưởng cao hơn dự kiến có thể thúc đẩy đầu tư nước ngoài, hỗ trợ VND và chứng khoán VN-Index	 Foreign Exchange Reserves dự kiến \$3.35T. Dự trữ tăng củng cố CNY, giảm lo ngại suy thoái, tích cực cho thị trường châu Á.	 Inflation Rate YoY dự kiến 0.7%. Lạm phát thấp có thể thúc PBoC nới lỏng, hỗ trợ cổ phiếu Trung Quốc nhưng làm yếu CNY.	 Non Farm Payrolls dự kiến 45K, Unemployment Rate 4.6%. Dữ liệu yếu có thể tăng kỳ vọng cắt lãi suất, hỗ trợ chứng khoán nhưng làm yếu USD.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HC3	UPCoM	13/01/2026	14/01/2026	30/01/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SAB	HOSE	12/1/2026	13/01/2026	12/2/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TCM	HOSE	6/1/2026	7/1/2026	5/2/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	ADP	HOSE	30/12/2025	31/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HPO	UPCoM	30/12/2025	31/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	AVC	UPCoM	29/12/2025	30/12/2025	30/03/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VLB	UPCoM	29/12/2025	30/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	QHD	HNX	29/12/2025	30/12/2025	30/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	KHD	UPCoM	26/12/2025	29/12/2025	21/01/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TDB	UPCoM	26/12/2025	29/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	HHV	HOSE	25/12/2025	26/12/2025		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	SBV	HOSE	25/12/2025	26/12/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	VWS	UPCoM	25/12/2025	26/12/2025	8/1/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	DNT	UPCoM	25/12/2025	26/12/2025	9/1/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TMP	HOSE	25/12/2025	26/12/2025	6/2/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CTD	HOSE	24/12/2025	25/12/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Thưởng cổ phiếu
17	BAX	HNX	24/12/2025	25/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HUG	UPCoM	24/12/2025	25/12/2025	20/03/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	HDM	UPCoM	24/12/2025	25/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DGC	HOSE	24/12/2025	25/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU